

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /KH-SYT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm một lần cho người dân trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2026

Căn cứ Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá nhằm tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 06/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho người dân; Căn cứ Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng bệnh; Công văn 3401/BYT-KCB ngày 12/5/2026 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn nội dung chuyên môn khám sức khỏe định kỳ cho người dân; Quyết định số 1675/QĐ-BYT ngày 10/6/2026 của Bộ Y tế về hướng dẫn nội dung chuyên môn khám sức khỏe định kỳ cho trẻ em dưới 06 tuổi; Chương trình số 06-CTr/TU ngày 12/01/2026 của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 72/NQ-TW ngày 9/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; Quyết định số 2944/QĐ-UBND ngày 10/6/2026 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Kế hoạch Khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm một lần cho người dân trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2026 và giai đoạn 2026-2030, Sở Y tế Hà Nội xây dựng Kế hoạch Khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm một lần cho người dân trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2026, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU

1. Mục đích

- Chủ động điều phối, huy động và bố trí nguồn nhân lực y tế phục vụ hoạt động khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho người dân trên địa bàn Thành phố năm 2026, phấn đấu đạt mục tiêu 100% người dân được khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm 01 lần, được lập hồ sơ sức khỏe điện tử để quản lý sức khỏe theo vòng đời từ năm 2026.

- Phát huy vai trò phối hợp, hỗ trợ chuyên môn giữa các tuyến Bệnh viện, Trạm y tế, y tế tư nhân, y tế bộ ngành và chính quyền địa phương trong tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người dân.

2. Yêu cầu

- Việc huy động, bố trí và điều phối nhân lực phải phù hợp với năng lực thực tế của từng đơn vị và đặc điểm của từng địa phương; bảo đảm rõ đầu mối, rõ trách nhiệm, rõ địa bàn phụ trách; ưu tiên hỗ trợ các địa phương còn khó khăn về nhân lực, địa bàn đông dân cư và các nhóm đối tượng có nguy cơ cao

- Tuân thủ đúng các nội dung khám từng nhóm đối tượng; địa điểm khám đảm bảo cơ sở vật chất và các điều kiện khác, nhập liệu kết quả khám theo đúng quy định của Bộ Y tế.

- Việc tổ chức thực hiện phải bảo đảm khoa học, hiệu quả, không làm ảnh hưởng lớn đến hoạt động khám bệnh, chữa bệnh thường quy của các đơn vị.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi áp dụng:

Triển khai tại 126 phường, xã và các cơ quan, đơn vị, tổ chức hoặc cá nhân sử dụng lao động trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng thụ hưởng:

Toàn bộ người dân sinh sống trên địa bàn Thành phố Hà Nội thường trú hoặc tạm trú từ 12 tháng trở lên có xác nhận qua VNeID, cụ thể:

- **Nhóm 1:** Người cao tuổi, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, người có công, người mắc bệnh mạn tính, người sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, xã đảo, đặc khu và không thuộc quy định nhóm 2, nhóm 3, nhóm 4.

+ Đơn vị chủ trì tổ chức: UBND các phường, xã

+ Đơn vị thường trực: Trạm Y tế các phường, xã

+ Đơn vị phối hợp thực hiện khám: Các bệnh viện, phòng khám đa khoa, phòng khám chuyên khoa theo hướng dẫn của Sở Y tế

- **Nhóm 2:** Trẻ em trong cơ sở giáo dục mầm non (trẻ em dưới 6 tuổi), học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông (từ 6 tuổi - dưới 18 tuổi).

+ Đơn vị chủ trì tổ chức: UBND các phường, xã

+ Đơn vị thường trực: Trạm Y tế các phường, xã phối hợp với cơ sở giáo dục.

+ Đơn vị phối hợp thực hiện khám: Các bệnh viện, phòng khám đa khoa, phòng khám chuyên khoa theo hướng dẫn của Sở Y tế.

- **Nhóm 3:** Người lao động (nhóm đối tượng có quan hệ lao động giữa người sử dụng lao động và người lao động).

+ Đơn vị chủ trì tổ chức: Người sử dụng lao động.

+ Đơn vị phối hợp thực hiện: Trạm Y tế, bệnh viện, phòng khám đa khoa (do

người sử dụng lao động lựa chọn).

- **Nhóm 4:** Các đối tượng thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý (cơ quan chủ quản chịu trách nhiệm thực hiện).

- **Nhóm 5:** Các đối tượng không thuộc quy định tại các nhóm trên.

+ Đơn vị chủ trì tổ chức: UBND các phường, xã.

+ Đơn vị thường trực: Trạm Y tế các phường, xã

+ Đơn vị phối hợp thực hiện khám: Các bệnh viện, phòng khám đa khoa, phòng khám chuyên khoa theo hướng dẫn của Sở Y tế.

3. Thời gian thực hiện: Năm 2026 triển khai theo 02 giai đoạn cụ thể:

- **Giai đoạn 1:** Từ ngày 01/01/2026 đến 30/6/2026, các phường, xã đã thực hiện khám sức khỏe từ nguồn kinh phí không thuộc ngân sách của Thành phố; yêu cầu các đơn vị kết thúc khám trước 30/6/2026, thực hiện tổng hợp kết quả, báo cáo Sở Y tế trước ngày 25/6/2026 và nhập liệu hồ sơ sức khỏe điện tử theo quy định.

- **Giai đoạn 2:** Từ ngày 01/7/2026 đến 15/12/2026, tổ chức khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho đối tượng thuộc nhóm 1, nhóm 5, nhóm 2 như sau:

+ Từ tháng 7 đến tháng 9: Tập trung khám sức khỏe cho các đối tượng thuộc nhóm 1, nhóm 5 và trẻ em dưới 6 tuổi theo danh sách đã rà soát, bảo đảm không trùng lặp, khám theo lộ trình ưu tiên đối với nhóm 1 và trẻ em dưới 6 tuổi.

+ Từ tháng 10 đến tháng 12: Tiếp tục khám sức khỏe cho các đối tượng đã đăng ký; đồng thời triển khai kiểm tra sức khỏe đầu năm học cho học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông và khám sàng lọc cho người dân đăng ký khám sàng lọc.

4. Địa điểm khám

- Việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc đối với các đối tượng do UBND phường, xã thực hiện được tổ chức tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đảm bảo đủ điều kiện theo quy định hoặc theo hình thức khám bệnh, chữa bệnh lưu động.

+ Ưu tiên tổ chức khám tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện để đảm bảo thuận lợi cho việc thực hiện chụp Xquang và Xét nghiệm.

+ Trường hợp tổ chức điểm khám lưu động sẽ do UBND phường, xã căn cứ vào điều kiện thực tế của địa phương để quyết định. Điểm khám lưu động phải được bố trí hợp lý, thuận tiện cho người dân, bảo đảm an ninh, đầy đủ nhân lực chuyên môn, thiết bị, vật tư y tế, kiểm soát nhiễm khuẩn và các điều kiện khác theo quy định. UBND phường, xã phải thực hiện báo cáo việc khám sức khỏe lưu động về Sở Y tế theo quy định (kế hoạch khám, vật tư, thiết bị, danh sách cán bộ khám kèm CCHN/GPHN...).

- Đối với học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông tổ chức kiểm tra sức khỏe đầu năm ưu tiên tổ chức tại cơ sở giáo dục. Đối với nhóm trẻ em dưới 6 tuổi có thể tổ

chức khám sức khỏe kết hợp trong buổi khám tiêm chủng hoặc khám tại trường mầm non.

- Đối với người lớn tuổi, neo đơn đi lại khó khăn: UBND phường, xã căn cứ vào tình hình thực tế bố trí phương án khám phù hợp.

- Đối với các cơ sở bảo trợ công lập và ngoài công lập: UBND phường, xã ưu tiên tổ chức khám tại các cơ sở bảo trợ.

- Đối với nhóm người lao động (có quan hệ lao động với người sử dụng lao động) địa điểm khám ưu tiên tổ chức tại nơi làm việc hoặc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện theo quy định do người sử dụng lao động lựa chọn.

5. Đơn vị khám sức khỏe, khám sàng lọc

5.1. Các cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng đủ điều kiện theo quy định

- *Phạm vi chuyên môn:*

- + Cơ sở khám sức khỏe định kỳ là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện khám sức khỏe theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.

- + Cơ sở khám sàng lọc là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có phạm vi hoạt động chuyên môn phù hợp với nội dung khám sàng lọc.

- + Cơ sở tổ chức kiểm tra sức khỏe đầu năm học cho đối tượng trẻ em trong cơ sở giáo dục mầm non, học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông theo quy định của pháp luật về công tác y tế trường học.

- *Quy trình chuyên môn:*

- + Khám đầy đủ các nội dung theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế để đánh giá tình trạng sức khỏe hoặc phân loại sức khỏe theo quy định.

- + Thông báo kết quả khám cho người dân trong vòng 24 đến 48 giờ sau khi kết thúc khám.

- + Tổ chức tư vấn sức khỏe;

- + Trong trường hợp phát hiện bệnh, chuyển tuyến đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phù hợp hoặc chuyển tuyến bảo hiểm y tế (trường hợp có BHYT) để khám và điều trị kịp thời;

- + Đảm bảo lập hoặc nhập kết quả khám vào Hồ sơ sức khỏe điện tử để quản lý sức khỏe người dân; tổng hợp và phân tích mô hình bệnh tật, báo cáo thống kê theo quy định.

- *Cơ sở vật chất:*

- + Tại cơ sở phải bố trí khu vực khám sức khỏe tách biệt với khu vực khám bệnh điều trị thông thường; thực hiện phân luồng, tiếp đón và thực hiện khám sức khỏe theo đúng quy định tất cả các ngày trong tuần.

+ Bố trí quy trình khám theo một chiều, đảm bảo khoa học, hạn chế ùn ứ gồm các khu vực sau: tiếp đón, kiểm tra danh sách khám và nhập thông tin hành chính - đo dấu hiệu sinh tồn - khám lâm sàng - thực hiện cận lâm sàng - kết luận sơ bộ, tư vấn sức khỏe lần 1 (khi chưa có kết quả xét nghiệm) - kết luận sơ bộ, tư vấn sức khỏe lần 1 (khi có kết quả xét nghiệm) - thông báo kết quả khám cho người dân - chuyển tuyến trong trường hợp phát hiện bệnh lý.

- *Nhân lực:*

+ Cơ sở phải có đủ nhân lực để tổ chức khám tại cơ sở và tổ chức khám lưu động theo kế hoạch của UBND phường, xã được phân công hỗ trợ khám.

+ Nhân sự tham gia khám phải có giấy phép hành nghề phù hợp với nội dung chuyên môn được phân công và đáp ứng các điều kiện theo quy định.

- *Thiết bị, vật tư y tế:* Đáp ứng đầy đủ yêu cầu về thiết bị, vật tư y tế theo quy định; đảm bảo an toàn người bệnh; kiểm soát nhiễm khuẩn và tuân thủ đầy đủ các quy định chuyên môn trong toàn bộ quá trình khám.

- Trước khi triển khai, các đơn vị phải tổ chức tập huấn, hướng dẫn chuyên môn cho toàn bộ nhân sự tham gia nhằm thống nhất quy trình tổ chức khám, danh mục kỹ thuật, biểu mẫu, nội dung khám, quy trình nhập liệu và quản lý dữ liệu sức khỏe bảo đảm việc triển khai được thực hiện đồng bộ, thống nhất, đúng quy định chuyên môn và đáp ứng yêu cầu quản lý sức khỏe người dân trên toàn Thành phố.

- *Điều kiện hạ tầng công nghệ thông tin:* Đáp ứng đầy đủ điều kiện hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ cập nhật và liên thông dữ liệu khám sức khỏe, cụ thể:

+ Có hệ thống máy tính, mạng LAN/Internet ổn định phục vụ tiếp đón, khám bệnh và nhập liệu; Có chứng thư số phục vụ ký số hồ sơ điện tử theo hướng dẫn của Bộ Y tế và máy in phục vụ in Phiếu khám sức khỏe, kết quả khám và các biểu mẫu theo quy định.

+ Có phần mềm quản lý bệnh viện (HIS) hoặc phần mềm khám sức khỏe đáp ứng việc ghi nhận đầy đủ kết quả khám theo quy định của Bộ Y tế. Trường hợp thực hiện xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh phải có hệ thống LIS, RIS/PACS hoặc phần mềm tương đương để quản lý kết quả và bảo đảm khả năng liên thông dữ liệu.

+ Có khả năng kết nối, liên thông dữ liệu với Hệ thống Hồ sơ sức khỏe điện tử Thành phố và các nền tảng dùng chung của Bộ Y tế theo chuẩn dữ liệu quy định.

+ Bố trí cán bộ công nghệ thông tin hoặc cán bộ được đào tạo để hỗ trợ nhập liệu, thống kê kết quả khám, phân tích mô hình bệnh tật, xử lý lỗi và bảo đảm dữ liệu được cập nhật đầy đủ, chính xác trong quá trình triển khai.

5.2. Phân công các cơ sở y tế khám và phối hợp hỗ trợ khám tại các phường, xã

- Giao các Trạm Y tế trên địa bàn chịu trách nhiệm thực hiện khám khi đủ điều kiện theo quy định. Trường hợp Trạm Y tế chưa đủ điều kiện, Sở Y tế chỉ đạo, phân

công, điều phối các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện phối hợp hỗ trợ khám theo quy định.

- Việc phân công điều phối thực hiện theo nguyên tắc: Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập giữ vai trò nòng cốt trong triển khai thực hiện. Mỗi phường, xã sẽ có ít nhất 01 đơn vị y tế công lập đủ điều kiện khám sức khỏe phối hợp hỗ trợ khám trong suốt thời gian thực hiện Kế hoạch. Ưu tiên cơ sở khám chữa bệnh nằm trên địa bàn phường xã; phường xã sát cạnh có khoảng cách đến cơ sở y tế trong vòng bán kính 5km; đơn vị đăng ký hỗ trợ chuyên môn khám chữa bệnh cho Trạm Y tế.

- *Phân công các bệnh viện thuộc Sở Y tế phối hợp hỗ trợ 126 Trạm Y tế xã, phường cụ thể theo phụ lục 1.* Sau 01 tháng triển khai, Sở Y tế sẽ tổ chức đánh giá kết quả thực hiện, rút kinh nghiệm, xem xét việc mở rộng phân công hỗ trợ chuyên môn để đảm bảo tiến độ thực hiện.

6. Nội dung khám sức khỏe

6.1. Đối tượng trẻ em dưới 06 tuổi

Thực hiện theo Quyết định số 1675/QĐ-BYT ngày 10/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế về Hướng dẫn nội dung chuyên môn khám sức khỏe định kỳ cho trẻ em dưới 06 tuổi, các nội dung khám bao gồm:

- Các dấu hiệu sinh tồn;
- Đánh giá tình trạng dinh dưỡng;
- Đánh giá sự phát triển tinh thần, vận động;
- Đánh giá tiêm chủng;
- Thăm khám toàn thân và các bộ phận: Da, đầu - cổ, mắt, tai mũi họng, răng miệng, hô hấp, tim mạch, bụng và cơ quan sinh dục, cơ xương khớp và thần kinh, phát hiện nguy cơ tự kỷ.

6.2. Đối tượng từ đủ 06 tuổi đến dưới 18 tuổi

- Khám đầy đủ các nội dung chuyên khoa lâm sàng theo mẫu số 02, phụ lục số XXIV, Thông tư số 32/2023/TT-BYT, bao gồm: tiền sử bản thân (sản khoa, tiêm chủng), khám thể lực và các chuyên khoa: nhi khoa (tuần hoàn, hô hấp, tiêu hoá, thận - tiết niệu, thần kinh, tâm thần), mắt, tai - mũi - họng, răng - hàm - mặt.

- Riêng với đối tượng học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông: Kiểm tra sức khỏe theo quy định của pháp luật về công tác y tế trường học tại Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công tác y tế trường học.

6.3. Đối tượng từ đủ 18 tuổi trở lên

- Khám đầy đủ các nội dung chuyên khoa lâm sàng theo mẫu số 03, phụ lục số XXIV ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT, bao gồm: tiền sử sản phụ

khoa, khám thể lực và các chuyên khoa: nội khoa (tuần hoàn, hô hấp, tiêu hoá, thận - tiết niệu, nội tiết, cơ xương khớp, thần kinh, tâm thần), ngoại khoa, da liễu, sản phụ khoa, mắt, tai mũi họng, răng hàm mặt.

- Các xét nghiệm cận lâm sàng theo mẫu số 01, phụ lục số XXIV ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT, gồm:

+ Xét nghiệm máu: Công thức máu: Số lượng hồng cầu, Số lượng Bạch cầu, Số lượng tiểu cầu; Sinh hóa máu: Đường máu; Urê, Creatinin; ASAT (GOT), ALAT (GPT);

+ Xét nghiệm nước tiểu: Đường; Protein;

+ Chẩn đoán hình ảnh (X-quang tim phổi thẳng).

6.4. Đối với người lao động (nhóm có quan hệ lao động với người sử dụng lao động)

- Thực hiện danh mục khám đúng theo các lứa tuổi quy định tại mục 2.2 và mục 2.3. Danh mục khám chuyên khoa phụ sản trong khám sức khỏe định kỳ cho lao động nữ thực hiện theo phụ lục XXV ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT.

- Đối với các đối tượng là cán bộ, người lao động thuộc các ngành, nghề đặc thù: Thực hiện theo quy định hiện hành, cụ thể:

+ Đối tượng là cán bộ thực hiện theo Quyết định số 1266/QĐ-BYT ngày 21 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành quy định tiêu chuẩn phân loại sức khỏe cán bộ và mẫu phiếu khám sức khỏe cán bộ.

+ Đối tượng thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý thực hiện theo quy định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

+ Đối với người hành nghề lái xe ô tô thực hiện theo Thông tư số 36/2024/TT-BYT ngày 16/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn sức khỏe, việc khám sức khỏe đối với người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng; việc khám sức khỏe định kỳ đối với người hành nghề lái xe ô tô; cơ sở dữ liệu về sức khỏe của người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng.

+ Đối với nhân viên hàng không thực hiện theo Thông tư liên tịch số 18/2012/TTLT-BYT-BGTVT ngày 05/11/2012 của Bộ Y tế, Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chuẩn sức khỏe của nhân viên hàng không và điều kiện đối với cơ sở y tế thực hiện việc khám sức khỏe cho nhân viên hàng không

+ Đối với người điều khiển phương tiện giao thông đường sắt thực hiện theo Thông tư số 42/2025/TT-BYT ngày 14/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của người điều khiển phương tiện giao thông đường sắt.

+ Đối với thuyền viên thực hiện theo Thông tư số 22/2017/TT-BYT ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn sức khỏe của thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam và công bố cơ sở khám sức khỏe cho thuyền viên.

7. Nội dung khám sàng lọc

Thực hiện theo danh mục hướng dẫn chuyên môn tạm thời của Sở Y tại Công văn 5696 /SYT-NVY ngày 11/6/2026 về việc hướng dẫn chuyên môn khám sàng lọc miễn phí cho người dân trên địa bàn thành phố Hà Nội gồm 12 bệnh: Tăng huyết áp; Đái tháo đường típ 2; Hen phế quản; Phổi tắc nghẽn mạn tính; Ung thư vú; Ung thư cổ tử cung; Ung thư khoang miệng; Ung thư đại - trực tràng; Ung thư tuyến tiền liệt; Rối loạn trầm cảm; Rối loạn lo âu; Rối loạn tâm thần do rượu (thời gian thực hiện: cho tới khi có văn bản hướng dẫn mới của Bộ Y tế).

III. TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG TRUYỀN THÔNG

- Tổ chức triển khai đồng bộ các hoạt động truyền thông về mục tiêu, ý nghĩa, lợi ích của việc khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc phát hiện sớm bệnh tật và quản lý sức khỏe toàn dân; nâng cao nhận thức của người dân về vai trò của phòng bệnh, phát hiện sớm và quản lý sức khỏe liên tục theo vòng đời.

- Đẩy mạnh truyền thông theo hướng chủ động, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với từng nhóm đối tượng, địa bàn và đặc thù dân cư; tập trung chuyển đổi nhận thức và hành vi của người dân từ “khám khi có bệnh” sang “chủ động khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc và theo dõi nguy cơ bệnh tật”.

- Công khai thông tin về các cơ sở tham gia khám sức khỏe định kỳ, nội dung khám theo từng nhóm tuổi, hình thức đăng ký, thời gian và địa điểm tổ chức khám để người dân chủ động tiếp cận và tham gia khám sức khỏe thuận lợi. Tuyên truyền, hướng dẫn người dân khi tham gia khám sức khỏe định kỳ mang theo căn cước công dân/số định danh để phục vụ công tác định danh, xác định đối tượng, cập nhật dữ liệu sức khỏe điện tử và quản lý sức khỏe liên tục theo quy định.

- Tăng cường phối hợp với các cơ quan báo chí, truyền hình, phát thanh, nền tảng số, mạng xã hội và hệ thống truyền thông cơ sở nhằm lan tỏa thông tin rộng rãi; đồng thời triển khai đa dạng các hình thức truyền thông như truyền thông trực tiếp, truyền thông nhóm nhỏ, truyền thông lưu động và truyền thông tại cộng đồng dân cư.

- Phát động hưởng ứng các sự kiện, ngày lễ lớn liên quan đến chăm sóc sức khỏe và khám sức khỏe định kỳ như: Ngày sức khỏe toàn dân (7/4); Ngày truyền thống Người cao tuổi Việt Nam (06/6); Ngày Dân số Thế giới (11/7); Ngày Quốc tế Người cao tuổi (01/10); Ngày Quốc tế Người khuyết tật (03/12) và các hoạt động truyền thông sức khỏe khác nhằm tăng cường sự tham gia của người dân và cộng đồng.

- Gắn công tác truyền thông, vận động với trách nhiệm tổ chức triển khai của các cơ quan, đơn vị và địa phương; tăng cường huy động nguồn lực xã hội, sự tham

gia của cộng đồng và phát huy vai trò của người đứng đầu trong công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện hoạt động khám sức khỏe định kỳ trên địa bàn Thành phố.

- Tăng cường huy động sự tham gia của toàn hệ thống chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể, lực lượng tại cộng đồng và người dân trong công tác tuyên truyền, vận động tham gia khám sức khỏe định kỳ; nâng cao nhận thức của người dân về vai trò của phòng bệnh, phát hiện sớm bệnh tật và quản lý sức khỏe liên tục theo vòng đời.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, vận động trẻ em, học sinh tham gia khám sức khỏe định kỳ thông qua các cơ sở giáo dục; tăng cường phối hợp với gia đình, nhà trường và các tổ chức liên quan để bảo đảm trẻ em, học sinh tham gia khám đầy đủ theo kế hoạch, đặc biệt vào thời điểm đầu năm học.

- Tăng cường vận động người lao động tham gia khám sức khỏe định kỳ thông qua doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, khu công nghiệp, khu chế xuất và các đơn vị sử dụng lao động; lồng ghép hoạt động truyền thông, tư vấn sức khỏe và khám sức khỏe định kỳ với công tác chăm lo sức khỏe người lao động tại nơi làm việc theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

- Tổ chức phối hợp với các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị quản lý đối tượng đặc thù để rà soát, tuyên truyền, vận động và hỗ trợ người thuộc phạm vi quản lý tham gia khám sức khỏe định kỳ đầy đủ theo kế hoạch của Thành phố; bảo đảm bao phủ các nhóm đối tượng theo ngành, lĩnh vực và địa bàn quản lý.

- Ưu tiên hỗ trợ các nhóm đối tượng yếu thế, người cao tuổi, người khuyết tật, người khó khăn trong đi lại, người neo đơn và người lao động tự do (không có quan hệ với người sử dụng lao động) nhằm bảo đảm mọi người dân đều được tiếp cận hoạt động khám sức khỏe định kỳ một cách thuận lợi, công bằng và phù hợp với điều kiện thực tế.

IV. TRIỂN KHAI CÁC HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI NHÓM ĐỐI TƯỢNG DO UBND PHƯỜNG, XÃ TỔ CHỨC KHÁM

1. Rà soát, lập danh sách đối tượng tham gia khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí

- UBND các phường xã tổ chức rà soát theo từng hộ gia đình, phân loại, lập danh sách 5 nhóm đối tượng theo quy định tại mục 2 Phần II Kế hoạch này (có thông tin VneDI/số định danh cá nhân), bảo đảm đầy đủ, chính xác, không trùng lặp, không bỏ sót đối tượng. Kết quả sau khi rà soát đối tượng:

- + Danh sách đối tượng các nhóm 1, 2, 3, 4, 5.

- + Danh sách nhóm thụ hưởng gồm **nhóm 1 và nhóm 5** (theo 3 lứa tuổi: dưới 6 tuổi, từ 6 - dưới 18 tuổi, từ 18 tuổi trở lên); **nhóm 2** (theo 2 lứa tuổi: dưới 6 tuổi, từ 6 - dưới 18 tuổi).

+ Lập danh sách đối tượng đủ điều kiện khám sức khỏe, khám sàng lọc (sau khi đã loại trừ các đối tượng không nằm trong quy định) để làm cơ sở xây dựng nội dung khám, hình thức tổ chức khám và bố trí lịch khám phù hợp với từng nhóm đối tượng; điều phối cơ sở khám và tổng hợp kết quả triển khai.

- Người dân thuộc các đối tượng nhóm 1 và nhóm 5 được đăng ký với UBND phường, xã (thông qua cán bộ rà soát, lập danh sách) khám sức khỏe hoặc có thể lựa chọn 01 bệnh khám sàng lọc trong danh mục quy định.

- Trong quá trình rà soát, lập danh sách lưu ý loại trừ các đối tượng tạm trú chưa đủ 12 tháng, đối tượng đã có quy định hỗ trợ khám sức khỏe (đối tượng cán bộ thuộc diện Thành ủy quản lý, người có công hưởng chế độ điều dưỡng,...)

- Tổ chức mạng lưới hỗ trợ tại cộng đồng gồm cán bộ khu phố, cộng tác viên dân số, y tế thôn bản và các lực lượng liên quan để tiếp cận trực tiếp từng hộ gia đình theo phương châm “đi từng ngõ, gõ từng nhà, rà từng đối tượng”; thực hiện rà soát, lập danh sách, thông báo lịch khám hoặc phát giấy mời, nhắc lịch, tư vấn hướng dẫn và hỗ trợ người dân tham gia khám theo kế hoạch.

- Thực hiện kết hợp cập nhật, tổng hợp danh sách người dân từ các nguồn dữ liệu sẵn có như cơ sở dữ liệu dân cư, cơ sở dữ liệu bảo hiểm xã hội, dữ liệu quản lý trẻ em, học sinh, dữ liệu quản lý lao động và các hệ thống quản lý chuyên ngành khác vào hệ thống hồ sơ sức khỏe điện tử nhằm bảo đảm việc lập danh sách được đầy đủ, chính xác, không trùng lặp và không bỏ sót đối tượng.

2. Tổ chức hoạt động khám sức khỏe định kỳ cho người dân

- Xây dựng kế hoạch khám để phân bổ số lượng người dân tham gia khám sức khỏe theo từng địa bàn, cơ sở khám, khung giờ và thời gian cụ thể nhằm bảo đảm phù hợp với năng lực tiếp nhận của từng đơn vị, hạn chế tình trạng ùn ứ, quá tải trong quá trình tổ chức khám.

- Thực hiện hiệp đồng với cơ sở đủ điều kiện khám sức khỏe theo phân công của Sở Y tế và các lực lượng liên quan để thống nhất số lượng, thời gian và địa điểm khám. Bàn giao danh sách cho cơ sở khám và phối hợp với cơ sở khám để giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình khám.

- Thực hiện thông báo lịch khám cho cộng dân theo danh sách đã điều tra, bảo đảm đúng đối tượng, đúng thời gian và địa điểm khám. Đa dạng hình thức thông báo như giấy mời, điện thoại, tin nhắn, ứng dụng điện tử, thông báo qua các phương tiện truyền thông, tổ dân phố, khu phố và các hình thức phù hợp khác nhằm nâng cao tỷ lệ người dân tham gia khám sức khỏe định kỳ.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật và điều chỉnh danh sách trong suốt quá trình triển khai; tổng hợp các trường hợp chưa tham gia, vắng mặt, hoãn khám hoặc cần khám bổ sung để tiếp tục vận động, bố trí lịch khám phù hợp, bảo đảm bao phủ tối đa đối tượng mục tiêu theo kế hoạch của Thành phố.

3. Hướng dẫn nhập liệu

- Thực hiện tiếp nhận người dân bằng sổ định danh cá nhân hoặc căn cước công dân gắn chip/VNeID để bảo đảm xác thực đúng đối tượng khám.

- Kết quả khám được tổng hợp, đánh giá và lập hồ sơ sức khỏe điện tử; gửi liên thông, chia sẻ dữ liệu khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí giữa cơ sở dữ liệu về khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành y tế; tích hợp trên ứng dụng VNeID theo quy định của pháp luật.

- Các đơn vị có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ của dữ liệu trước khi gửi, bao gồm: thông tin hành chính, mã định danh cá nhân, kết quả khám lâm sàng, cận lâm sàng, chẩn đoán, phân loại sức khỏe, tư vấn và chữ ký điện tử (nếu có).

- Bảo đảm dữ liệu sức khỏe được nhập đúng biểu mẫu, đúng cấu trúc dữ liệu và đúng quy trình chuyên môn; hạn chế tình trạng thiếu dữ liệu, nhập trùng, sai lệch hoặc chậm cập nhật làm ảnh hưởng đến công tác quản lý, thống kê, theo dõi và thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

- Dữ liệu khám được cập nhật đảm bảo đầy đủ, kịp thời, chính xác và được xác thực theo quy định; tăng cường kiểm tra, giám sát chất lượng dữ liệu trong quá trình nhập liệu và sử dụng.

- Thực hiện đối chiếu, rà soát và xác thực dữ liệu khám sức khỏe với các cơ sở dữ liệu liên quan nhằm bảo đảm tính chính xác, đồng bộ và khả năng quản lý sức khỏe người dân theo mã định danh cá nhân.

- Thực hiện theo Quyết định của Bộ Y tế 1551/QĐ-BYT ngày 31/5/2026 về việc ban hành Hướng dẫn thu thập, cập nhật, kết nối liên thông dữ liệu khám sức khỏe và tạo lập, cập nhật Sổ Sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID.

4. Chế độ báo cáo (mẫu báo cáo theo phụ lục 5)

- Cơ sở khám nhập liệu, cập nhật và đồng bộ dữ liệu kết quả khám vào hệ thống Hồ sơ sức khỏe điện tử Thành phố và các nền tảng dùng chung của Bộ Y tế theo chuẩn dữ liệu quy định; tổng hợp kết quả khám, phân tích mô hình bệnh tật báo cáo gửi Trạm Y tế phường, xã để tổng hợp gửi Sở Y tế.

- UBND phường, xã báo cáo kết quả thực hiện về Sở Y tế trước ngày 5 hàng tháng để tổng hợp báo cáo UBND Thành phố và Bộ Y tế theo quy định hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

- Trường hợp có khó khăn vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố và các cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định.

V. TRIỂN KHAI CÁC HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI NHÓM ĐỐI TƯỢNG DO NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG CHỊU TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC KHÁM

- UBND các phường tổ chức, rà soát, lập danh sách các cơ quan, đơn vị, tổ chức hoặc cá nhân sử dụng lao động trên địa bàn để theo dõi, quản lý công tác khám sức khỏe cho người lao động theo tháng, quý, năm và đột xuất (nếu có).

- Tuyên truyền, hướng dẫn cho các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn về việc tuân thủ công tác khám sức khỏe định kỳ hàng năm, khám bệnh nghề nghiệp, khám sức khỏe đầu vào cho người lao động theo quy định, tập trung vào một số nội dung sau:

+ Lựa chọn đơn vị khám sức khỏe: Là cơ sở đủ điều kiện khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật; đảm bảo điều kiện để thực hiện nhập liệu, cập nhật và đồng bộ dữ liệu kết quả khám vào Hồ sơ sức khỏe điện tử Thành phố và các nền tảng dùng chung của Bộ Y tế theo chuẩn dữ liệu quy định.

+ Nội dung khám: Thực hiện đầy đủ nội dung khám theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Sau khi kết thúc khám sức khỏe, các cơ quan, đơn vị, tổ chức hoặc cá nhân sử dụng lao động có trách nhiệm thông tin đến người lao động và tổng hợp, thống kê báo cáo kết quả khám sức khỏe về Trạm Y tế phường, xã; lưu giữ kết quả khám theo quy định; đảm bảo dữ liệu kết quả khám được nhập liệu vào Hồ sơ sức khỏe điện tử của người lao động.

- Trong quá trình thực hiện, chủ động liên hệ Trạm Y tế phường, xã trên địa bàn để được hướng dẫn theo quy định.

- Chế độ báo cáo: Thực hiện báo kết quả khám sức khỏe ngay sau khi hoàn thành khám sức khỏe (*mẫu báo cáo theo phụ lục 6*). Thực hiện báo cáo 6 tháng, một năm theo quy định về công tác vệ sinh lao động.

VI. KINH PHÍ

Nguồn kinh phí thực hiện chính sách khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm một lần cho người dân như sau:

1. Ngân sách Thành phố chi trả cho đối tượng (thường trú hoặc tạm trú từ 12 tháng trở lên) chưa có các quy định hỗ trợ kinh phí khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí (nhóm 1, nhóm 2 và nhóm 5) theo phân cấp ngân sách hiện hành. Riêng năm 2026, ngân sách Thành phố bổ sung có mục tiêu cho ngân sách xã, phường đối với phần kinh phí tăng thêm.

Ủy ban nhân dân các phường, xã có trách nhiệm đảm bảo kinh phí để quản lý, tổ chức khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc cho người dân trên địa bàn. Trường hợp ngân sách cấp xã không đảm bảo được thì ngân sách Thành phố bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã.

2. Người sử dụng lao động chi trả chi phí khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo quy định pháp luật về lao động, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động (nhóm 3).

3. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đảm bảo kinh phí thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho các đối tượng thuộc ngành quản lý (nhóm 4).

4. Nguồn xã hội hóa và nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế

- Chủ trì tham mưu xây dựng, ban hành và hướng dẫn triển khai Kế hoạch; hướng dẫn chuyên môn, biểu mẫu, quy trình tổ chức khám sức khỏe thống nhất cho các cơ sở khám sức khỏe.

- Chủ trì rà soát năng lực các cơ khám bệnh, chữa bệnh, Trạm Y tế các phường, xã; điều phối các bệnh viện, cơ sở y tế tham gia hỗ trợ chuyên môn, phân công địa bàn phụ trách.

- Theo dõi, giám sát tiến độ triển khai; tổng hợp số liệu, kết quả thực hiện và tham mưu xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

2. Phòng Quản lý BHYT và CNTT

- Chủ trì hướng dẫn, tập huấn các đơn vị thực hiện nhập liệu, đồng bộ dữ liệu kết quả khám vào hệ thống hồ sơ sức khỏe điện tử.

- Theo dõi, giám sát tình hình liên thông dữ liệu khám sức khỏe của các đơn vị trên hệ thống; định kỳ tổng hợp tỷ lệ cập nhật dữ liệu, chất lượng dữ liệu, tỷ lệ liên thông thành công và báo cáo Lãnh đạo Sở Y tế.

- Phối hợp Phòng Nghiệp vụ Y và các đơn vị liên quan tham mưu ứng dụng các nền tảng số phục vụ điều hành, thống kê mô hình bệnh tật, tổng hợp kết quả khám sức khỏe trên phạm vi toàn Thành phố.

3. Phòng Kế hoạch tài chính

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tham gia khám trong việc lập dự toán, quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí theo quy định.

- Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc về nguồn kinh phí, quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí trong quá trình triển khai, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, giải quyết theo quy định.

4. Phòng bảo trợ xã hội

Phối hợp với Phòng Nghiệp vụ Y tham mưu triển khai công tác khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc đối với các đối tượng đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội trong và ngoài công lập trên địa bàn Thành phố, các đối tượng yếu thế trong cộng đồng.

5. Phòng tổ chức cán bộ

- Chủ trì tham mưu điều động, phân công và hỗ trợ nhân sự y tế phục vụ hoạt động khám sức khỏe định kỳ; phối hợp điều phối bác sĩ, nhân viên y tế từ các bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa tham gia hỗ trợ các Trạm Y tế phường, xã.

- Tổng hợp, tham mưu đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch theo quy định.

6. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội

- Chủ trì xây dựng, biên soạn và cung cấp tài liệu truyền thông phục vụ hoạt động khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho người dân trên địa bàn Thành phố; hướng dẫn các đơn vị, địa phương triển khai nội dung truyền thông phù hợp với từng nhóm đối tượng và điều kiện thực tế của từng địa bàn.

- Phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao, các cơ quan báo chí, truyền thông, các đơn vị y tế và Ủy ban nhân dân phường, xã đẩy mạnh tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, quyền lợi và trách nhiệm của người dân khi tham gia khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí; vận động người dân chủ động tham gia khám theo kế hoạch, đặc biệt đối với các nhóm đối tượng ưu tiên, nhóm nguy cơ cao và các trường hợp khó tiếp cận dịch vụ y tế.

- Phối hợp UBND các phường xã tiếp nhận, tổng hợp thông tin về thời gian, địa điểm, đơn vị tổ chức khám, số lượng khám; công khai thông tin trên Cổng thông tin điện tử của ngành Y tế và các kênh truyền thông phù hợp để người dân biết, đăng ký và tham gia khám thuận lợi.

- Theo dõi, tổng hợp kết quả hoạt động truyền thông, tình hình tiếp cận thông tin và sự tham gia của người dân tại các địa bàn; phối hợp đánh giá tỷ lệ tham gia khám tại các phường, xã có kết quả thấp để đề xuất tăng cường hoạt động truyền thông, vận động phù hợp.

- Tổ chức, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hoạt động chuyên môn, quản lý sức khỏe cộng đồng và cập nhật dữ liệu sức khỏe của người dân sau khám vào hồ sơ sức khỏe điện tử; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất về Sở Y tế theo quy định.

- Phối hợp với Trạm Y tế phường, xã theo dõi, tổng hợp tình hình khám sức khỏe của người lao động; kịp thời báo cáo khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp tháo gỡ.

7. Trạm Y tế các phường, xã

- Tham mưu UBND phường, xã xây dựng kế hoạch triển khai khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Là đơn vị thường trực về chuyên môn trong công tác khám cho người dân trên địa bàn, thực hiện khám khi đủ điều kiện theo quy định hoặc phối hợp hiệp đồng với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

đủ điều kiện theo sự phân công của Sở Y tế để tổ chức triển khai khám sức khỏe, khám sàng lọc cho người dân.

- Chủ trì, phối hợp với Tổ trưởng tổ dân phố, trưởng thôn, cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn bản và các lực lượng liên quan rà soát, lập và cập nhật danh sách người dân thuộc diện khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc; tổ chức truyền thông, thông báo, phát giấy mời và nhắc lịch khám nhằm nâng cao tỷ lệ người dân tham gia khám sức khỏe.

- Sắp xếp lịch khám theo các nhóm đối tượng; điều phối số lượng người dân tham gia theo khung giờ phù hợp nhằm hạn chế ùn ứ, quá tải tại điểm khám.

- Công khai lịch khám sức khỏe định kỳ tại địa phương trên các phương tiện truyền thông của địa phương và báo cáo lịch khám hàng tuần về Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố trước 17 giờ thứ Sáu hàng tuần để tổng hợp.

- Phối hợp rà soát, cập nhật dữ liệu khám sức khỏe của người dân vào hồ sơ sức khỏe điện tử theo quy định; theo dõi, quản lý sức khỏe tại cộng đồng đối với các trường hợp phát hiện bệnh hoặc yếu tố nguy cơ sau khám.

- Chịu trách nhiệm tổ chức các điểm khám lưu động đảm bảo theo quy định.

- Tổng hợp tình hình, tiến độ thực hiện; thực hiện báo cáo, lưu trữ hồ sơ, danh sách, biểu mẫu và các tài liệu liên quan phục vụ công tác kiểm tra, giám sát và thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

- Tham mưu lập dự toán kinh phí đối với các hoạt động khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí trình UBND phường, xã xem xét, bố trí kinh phí theo thẩm quyền; quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán nguồn kinh phí được giao bảo đảm đúng nội dung, đối tượng và quy định hiện hành.

- Phối hợp với phòng Văn hóa xã hội tham mưu UBND phường, xã triển khai các hoạt động rà soát, kiểm tra, quản lý và báo cáo đối với công tác khám sức khỏe người lao động trên địa bàn.

8. Các cơ sở y tế công lập trực thuộc Sở Y tế

- Xác định đây là nhiệm vụ chính trị; thực hiện khám sức khỏe, khám sàng lọc theo sự phân công của Sở Y tế; chủ động tổ chức hợp hiệp đồng với Trạm Y tế phường, xã được phân công để xây dựng kế hoạch, lịch khám khám sức khỏe, khám sàng lọc đảm bảo khoa học, tránh ùn tắc theo đúng quy định. Các Bệnh viện được phân công có trách nhiệm đồng hành cùng các Trạm Y tế xã, phường trong suốt quá trình thực hiện Kế hoạch.

- Các bệnh viện đa khoa: Thành lập bộ phận khám sức khỏe, khám sàng lọc phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn của đơn vị; Tổ chức khám sức khỏe tại bệnh viện **tất cả các ngày trong tuần**; thành lập đoàn khám sức khỏe để đáp ứng khám tại Bệnh viện hoặc khám lưu động theo kế hoạch của UBND phường, xã được phân công. Bệnh viện phải bố trí khu vực khám sức khỏe tách biệt với khu vực khám bệnh điều trị

thông thường; thực hiện phân luồng, tiếp đón và thực hiện khám sức khỏe theo đúng quy định; bảo đảm đầy đủ điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực, thiết bị, công nghệ thông tin và quy trình chuyên môn.

- Bệnh viện chuyên khoa thành lập bộ phận khám sàng lọc phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn của đơn vị; chuẩn bị sẵn sàng các điều kiện để tổ chức khám sàng lọc tại đơn vị hoặc khám lưu động đáp ứng theo đề xuất của các Trạm Y tế; phối hợp với các Bệnh viện đa khoa, Trạm Y tế phường, xã hỗ trợ nhân lực chuyên khoa để tổ chức khám sức khỏe tại các địa phương theo sự điều phối của Sở Y tế.

8. Đề nghị các bệnh viện bộ, ngành, bệnh viện tư nhân, phòng khám tư nhân trên địa bàn Thành phố: Căn cứ tình hình thực tế của đơn vị, đáp ứng các điều kiện tại mục 5.1 phần II phối hợp tham gia khám sức khỏe, khám sàng lọc theo đề nghị của UBND phường, xã và theo phân công hỗ trợ của Sở Y tế.

9. Đề nghị các Sở ban ngành và Ủy ban nhân dân các phường, xã

Phối hợp với Sở Y tế thực hiện nhiệm vụ được UBND Thành phố phân công theo Quyết định số 2944/QĐ-UBND ngày 10/6/2026 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Kế hoạch Khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm một lần cho người dân trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2026 và giai đoạn 2026-2030, tổng hợp kết quả thực hiện gửi về Sở Y tế 6 tháng, 1 năm và đột xuất khi có yêu cầu của các cấp quản lý.

Trên đây là Kế hoạch Khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm một lần cho người dân trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2026 của Sở Y tế. Kế hoạch này sẽ tiếp tục được bổ sung, điều chỉnh căn cứ vào tình hình triển khai thực tế tại các địa phương; theo chỉ đạo của UBND Thành phố, Bộ Y tế. Đề nghị các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- Đ/c Vũ Thu Hà - PCT UBND TP; (để báo cáo)
- VP UBND TP;
- Các Sở, ban, ngành TP;
- UBND các phường, xã;
- Các PGĐ Sở Y tế;
- Các phòng, ban thuộc SYT;
- Trung tâm KSBT HN;
- Các Bệnh viện công lập, Bộ, ngành, tư nhân;
- Trạm Y tế các phường, xã;
- PKĐK trên địa bàn (UBND P,X gửi)
- Lưu: VT, NVY_{DƯNG}.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trọng Diện

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1. PHÂN CÔNG CÁC BỆNH VIỆN ĐA KHOA, CHUYÊN KHOA HỖ TRỢ	2
I. PHÂN CÔNG CÁC BỆNH VIỆN ĐA KHOA THUỘC SỞ Y TẾ HỖ TRỢ CÁC TRẠM Y TẾ ...	2
II. PHÂN CÔNG CÁC BỆNH VIỆN CHUYÊN KHOA THUỘC SỞ Y TẾ HỖ TRỢ CÁC TRẠM Y TẾ.....	6
PHỤ LỤC 2. QUY TRÌNH QUẢN LÝ, ĐIỀU PHỐI VIỆC KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ ĐỐI VỚI NGƯỜI DÂN TẠI CÁC PHƯỜNG, XÃ.....	13
PHỤ LỤC 3. QUY TRÌNH KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ TẠI ĐIỂM SỨC KHỎE	14
PHỤ LỤC 4. MẪU BÁO CÁO ĐIỀU TRA	16
PHỤ LỤC 5. MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ KHÁM SỨC KHỎE, KHÁM SÀNG LỌC	17
PHỤ LỤC 6. MẪU BÁO CÁO DÀNH CHO CÁC CƠ SỞ LAO ĐỘNG TRÊN ĐỊA BÀN	18
PHỤ LỤC 7. MẪU KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ CHO NGƯỜI DÂN	19
Mẫu số 01. Mẫu giấy khám sức khỏe định kỳ đối với trẻ em dưới 06 tuổi	19
Mẫu trắc nghiệm nguy cơ tự kỷ (M-CHAT-R).....	22
Mẫu số 02. Mẫu sổ khám sức khỏe định kỳ cho người từ 18 tuổi trở lên	24
Mẫu số 03. Mẫu giấy khám sức khỏe dùng cho người từ 06 đến 18 tuổi.....	27
PHỤ LỤC 8. MẪU PHIẾU KHÁM SÀNG LỌC CHO NGƯỜI DÂN.....	29
Mẫu số 01. Phiếu sàng lọc đánh giá yếu tố nguy cơ mắc bệnh tim mạch - tăng huyết áp - bệnh đái tháo đường	29
Mẫu số 02. Phiếu khám phát hiện bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản	32
Mẫu số 03. Phiếu thu thập thông tin hen phế quản (Áp dụng đối với trẻ em ≥ 12 tuổi)	33
Mẫu số 04. Phiếu thu thập thông tin bệnh phổi tắc nghẽn và hen phế quản (Áp dụng đối với người dân ≥ 40 tuổi).....	34
Mẫu số 05. Thang đánh giá trầm cảm Beck.....	35
Mẫu số 06. Thang đánh giá lo âu - Zung	37
Mẫu số 07. Thang đánh giá mức độ sử dụng rượu (AUDIT)	38

PHỤ LỤC 1. PHÂN CÔNG CÁC BỆNH VIỆN ĐA KHOA, CHUYÊN KHOA HỖ TRỢ

I. PHÂN CÔNG CÁC BỆNH VIỆN ĐA KHOA THUỘC SỞ Y TẾ HỖ TRỢ CÁC TRẠM Y TẾ

STT	Phường/Xã	Phân công khám sức khỏe	Tên lãnh đạo đơn vị	Số điện thoại Lãnh đạo đơn vị	Tên lãnh đạo phòng phụ trách chuyên môn khám	SĐT lãnh đạo phòng phụ trách chuyên môn khám
1.	Phường Hoàn Kiếm	Bệnh viện Việt Nam - Cu Ba	Nguyễn Mạnh Cường	0982512399	Lò Thị Hà	0903211343
2.	Phường Hai Bà Trưng	1. PKĐK Bà Triệu trực thuộc Trạm Y tế P. Hai Bà Trưng 2. Bệnh viện Việt Nam - Cu Ba	Nguyễn Anh Quang	0913093524	Đỗ Thị Hồng Thắm Nguyễn Thị Phương Thảo	0987918356 0983112577
3.	Phường Cửa Nam	PKĐK 50C Hàng Bài trực thuộc phường Cửa Nam	Phạm Hồng Diệp	0936223393	Nguyễn Ngọc Chín	0913224700
4.	Phường Kim Liên	1. PKĐK Kim Liên trực thuộc Trạm Y tế phường Kim Liên 2. Bệnh viện đa khoa Đống Đa	Đinh Thị Lam	0947318666	Dương Thị Thuý Hà	0917556568
5.	Phường Đống Đa	Bệnh viện đa khoa Đống Đa	Đinh Thị Lam	0947318666	Dương Thị Thuý Hà	0917556568
6.	Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám					
7.	Phường Láng					
8.	Phường Ô Chợ Dừa	Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn	Trần Văn Trung	0912666170	Lương Đức Dũng	0912907862
9.	Phường Ngọc Hà					
10.	Phường Ba Đình					
11.	Phường Phú Thượng					
12.	Phường Tây Hồ	Phòng khám đa khoa 695 Lạc Long Quân trực thuộc phường Tây Hồ	Lưu Văn Báu	0913339669	Nguyễn Thị Kiều Nga	0904985462
13.	Phường Hồng Hà	Bệnh viện đa khoa Hòe Nhai	Đỗ Ngọc Phan	0988384838	Nguyễn Trường Khoa	0936968969
14.	Phường Giảng Võ					
15.	Phường Cầu Giấy	Phòng khám đa khoa Cầu Giấy trực thuộc Trạm Y tế phường Cầu Giấy	Nguyễn Quốc Tuấn	0914519767	Hoàng Thị Tuyết Nguyệt	0989188996
16.	Phường Yên Hoà					
17.	Phường Nghĩa Đô	Bệnh viện Đa khoa YHCT Hà Nội	Vũ Thị Hương	0942062419	Trần Thị Thu Trang	0989208329
18.	Phường Tây Mỗ					
19.	Phường Từ Liêm					
20.	Phường Xuân Phương					
21.	Phường Phú Diễn	Bệnh viện Lão khoa Hà Nội	Lê Đăng Thuyết	097 8449599	Lê Văn Bình	0978651555
22.	Phường Tây Tựu					
23.	Phường Thượng Cát					
24.	Phường Xuân Đình					

STT	Phường/Xã	Phân công khám sức khỏe	Tên lãnh đạo đơn vị	Số điện thoại Lãnh đạo đơn vị	Tên lãnh đạo phòng phụ trách chuyên môn khám	SĐT lãnh đạo phòng phụ trách chuyên môn khám
25.	Phường Đông Ngạc	1. PKĐK Chèm trực thuộc TYT phường Đông Ngạc 2. Bệnh viện Lão khoa Hà Nội	Hứa Thị Minh Huệ	0988567618	Nguyễn Thu Hằng	0982243029
26.	Phường Đại Mỗ	Bệnh viện đa khoa Hà Đông	Nguyễn Văn Quang	0912166712	Hoàng Thị Út Trang	0983058619
27.	Phường Yên Nghĩa					
28.	Xã Bình Minh					
29.	Xã Thanh Oai					
30.	Xã Dân Hòa					
31.	Phường Kiến Hưng	Bệnh viện YHCT Hà Đông	Nguyễn Đức Minh	0985316969	Bùi Văn Tuấn	0982562636
32.	Phường Dương Nội					
33.	Phường Phú Lương					
34.	Phường Hà Đông	1. PKĐK Hà Đông trực thuộc Trạm Y tế phường Hà Đông 2. Bệnh viện YHCT Hà Đông	Trương Kỳ Phong	0912348532	Bùi Đức Quang	0976805079
35.	Phường Thanh Xuân	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Nguyễn Thị Minh Hải	0904059119	Nguyễn Mạnh Tú	0986336408
36.	Phường Phương Liệt	PKĐK trực thuộc Trạm Y tế phường Khương Đình				
37.	Phường Khương Đình					
38.	Xã Tam Hưng	Bệnh viện đa khoa Thường Tín	Nguyễn Anh Tiến	0983768305	Nguyễn Hồng Hào	0812583666
39.	Xã Chương Dương					
40.	Xã Thượng Phúc					
41.	Xã Thường Tín					
42.	Xã Hồng Vân					
43.	Xã Phượng Dực	Bệnh viện đa khoa Phú Xuyên	Đỗ Thế Anh	0915010479	Nguyễn Thị Kim Ngân	0948084990
44.	Xã Chuyên Mỹ					
45.	Xã Đại Xuyên					
46.	Xã Phú Xuyên					
47.	Xã Hòa Phú	Bệnh viện đa khoa Chương Mỹ	Vũ Tuấn Cường	0965028186	Trương Bá Tứ	0983698900
48.	Xã Quảng Bị					
49.	Xã Trần Phú					
50.	Phường Chương Mỹ					
51.	Xã Phú Nghĩa					
52.	Xã Xuân Mai	1. Bệnh viện đa khoa Chương Mỹ 2. Bệnh viện đa khoa Hà Đông	Vũ Tuấn Cường Nguyễn Văn Quang	0965028186 0912166712	Trương Bá Tứ Hoàng Thị Út Trang	0983698900 0983058619

STT	Phường/Xã	Phân công khám sức khỏe	Tên lãnh đạo đơn vị	Số điện thoại Lãnh đạo đơn vị	Tên lãnh đạo phòng phụ trách chuyên môn khám	SĐT lãnh đạo phòng phụ trách chuyên môn khám
53.	Phường Bạch Mai	Bệnh viện Thanh Nhân	Trần Thế Quang	0985838999	Phùng Quốc Anh Nguyễn Thu Hương	0919856699 0913354542
54.	Phường Tương Mai					
55.	Phường Vĩnh Tuy					
56.	Phường Định Công					
57.	Phường Hoàng Mai					
58.	Phường Hoàng Liệt					
59.	Phường Vĩnh Hưng	Bệnh viện Đại học Y Hà Nội	Nguyễn Thị Hồng Lua	0988399173	Lê Thị Minh Ngọc	0971045339
60.	Phường Lĩnh Nam	Bệnh viện đa khoa Thanh Trì	Lê Xuân Sơn	0384513881	Nguyễn Thị Huế	0979469681
61.	Phường Yên Sở					
62.	Xã Đại Thanh					
63.	Phường Thanh Liệt					
64.	Xã Nam Phù					
65.	Xã Ngọc Hồi					
66.	Xã Thanh Trì					
67.	Phường Bồ Đề	PKĐK Ngọc Lâm trực thuộc TYT phường Bồ Đề	Nguyễn Minh Quốc	0913309701	Nguyễn Bích Phượng	0972402814
68.	Phường Việt Hưng	PKĐK Trung tâm trực thuộc TYT phường Việt Hưng	Đỗ Thị Thu Hà	0983932898	Nguyễn Hữu Hiệp	0976993771
69.	Phường Long Biên	Bệnh viện đa khoa Đức Giang	Trần Thị Oanh	0904773427	Ngô Thị Hiếu Minh	0773386168
70.	Phường Phúc Lợi					
71.	Xã Phù Đổng					
72.	Xã Gia Lâm	Bệnh viện đa khoa Gia Lâm	Lương Thanh Tiến	0869808872	Lê Quang Minh	0376501942
73.	Xã Bát Tràng					
74.	Xã Thuận An					
75.	Xã Thiên Lộc	1. PKĐK Thiên Lộc trực thuộc Trạm Y tế xã Thiên Lộc 2. Bệnh viện đa khoa Đức Giang	Dương Quý Đông	0912367839	Mai Quang Thành	0988229915
76.	Xã Đông Anh	Bệnh viện đa khoa Đông Anh	Hoàng Ngọc Vinh	0912625070	Nguyễn Thị Kim Anh	0965623186
77.	Xã Vĩnh Thanh					
78.	Xã Nội Bài	1. PKĐK Kim Anh trực thuộc Trạm Y tế xã Nội Bài 2. Bệnh viện đa khoa Đông Anh	Hoàng Lưu Sa	0982171111	Lê Thị Vân Anh	0961971256
79.	Xã Phúc Thịnh	1. PKĐK trực thuộc Trạm Y tế xã Phúc Thịnh 2. Bệnh viện Bắc Thăng Long	Trần Ngọc Nghĩa	0978146286	Nguyễn Bình Trọng	0383156199
80.	Xã Thụ Lâm	Bệnh viện Bắc Thăng Long	Nguyễn Văn Thành	0982466055	Trần Xuân Thăng	0915163217
81.	Xã Sóc Sơn	PKĐK Trung tâm thuộc Trạm Y tế xã Sóc Sơn	Lê Đức Tuyên	0912416373	Bùi Thùy Dương	0966842986
82.	Xã Kim Anh	Bệnh viện đa khoa Sóc Sơn	Vũ Tuấn Dũng	097970268	Nguyễn Đức Thái	0912610116
83.	Xã Trung Giã					
84.	Xã Đa Phúc					

STT	Phường/Xã	Phân công khám sức khỏe	Tên lãnh đạo đơn vị	Số điện thoại Lãnh đạo đơn vị	Tên lãnh đạo phòng phụ trách chuyên môn khám	SĐT lãnh đạo phòng phụ trách chuyên môn khám
85.	Xã Mê Linh	Bệnh viện đa khoa Mê Linh	Trần Quang Trịnh	0915029683	Ngô Văn Nguyên	0904475222
86.	Xã Tiến Thắng					
87.	Xã Quang Minh					
88.	Xã Yên Lãng					
89.	Xã An Khánh	PKĐK Ngải Cầu trực thuộc Trạm Y tế xã An Khánh	Trần Quang Tuấn	0913452323	Vương Chí Hồng	0977513658
90.	Xã Dương Hòa	Bệnh viện đa khoa Hoài Đức	Nguyễn Thị Thu	0987582468	Nguyễn Trung Hiệp	0945838811
91.	Xã Hoài Đức					
92.	Xã Sơn Đồng					
93.	Xã Đan Phượng	Bệnh viện đa khoa Đan Phượng	Nguyễn Văn Long	0982137734	Lều Thanh Huệ	0963969311
94.	Xã Liên Minh					
95.	Xã Ô Diên					
96.	Xã Hát Môn	Bệnh viện đa khoa Phúc Thọ	Vũ Thị Thu Hà	0973378506	Nguyễn Quốc Trường	0355512364
97.	Xã Phúc Lộc					
98.	Xã Phúc Thọ					
99.	Xã Đoài Phương	Bệnh viện đa khoa Sơn Tây	Vũ Đức Minh	0985989757	Hoàng Mạnh Hùng	0912441333
100.	Phường Tùng Thiện					
101.	Phường Sơn Tây					
102.	Xã Minh Châu					
103.	Xã Ba Vì	Bệnh viện đa khoa Ba Vì	Nguyễn Ngọc Vinh	0912094089	Phùng Mạnh Hùng	0388310296
104.	Xã Bát Bạt					
105.	Xã Cổ Đô					
106.	Xã Quảng Oai					
107.	Xã Suối Hai					
108.	Xã Vật Lại					
109.	Xã Yên Bài					
110.	Xã Phú Cát	1. Phòng khám đa khoa khu vực Hoà Thạch trực thuộc TYT xã Phú Cát 2. Bệnh viện đa khoa Quốc Oai	Đỗ Duy Dương	0868139968	Hoàng Huy Chí Cần Thị Thúy	0988508358 0344552882
111.	Xã Quốc Oai	Bệnh viện đa khoa Quốc Oai	Nguyễn Văn Cường	904494616	Phạm Thị Nguyệt	0386070388
112.	Xã Hưng Đạo					
113.	Xã Kiều Phú					
114.	Xã Tây Phương					

STT	Phường/Xã	Phân công khám sức khỏe	Tên lãnh đạo đơn vị	Số điện thoại Lãnh đạo đơn vị	Tên lãnh đạo phòng phụ trách chuyên môn khám	SĐT lãnh đạo phòng phụ trách chuyên môn khám
115.	Xã Thạch Thất	Bệnh viện đa khoa Thạch Thất	Nguyễn Thị Thuý Hằng	0913922818	Nguyễn Trọng Nghĩa	0389973076
116.	Xã Hạ Bằng					
117.	Xã Hòa Lạc					
118.	Xã Yên Xuân					
119.	Xã Hòa Xá	Bệnh viện đa khoa Vân Đình	Nguyễn Như Nhị	0961833619	Lê Tôn Hải	0334396674
120.	Xã Ứng Hòa					
121.	Xã Vân Đình					
122.	Xã Ứng Thiên					
123.	Xã Hương Sơn	Bệnh viện đa khoa Mỹ Đức	Phạm Hữu Thường	0983980867	Nguyễn Văn Thanh	0772265088
124.	Xã Hồng Sơn					
125.	Xã Mỹ Đức					
126.	Xã Phúc Sơn					

II. PHÂN CÔNG CÁC BỆNH VIỆN CHUYÊN KHOA THUỘC SỞ Y TẾ HỖ TRỢ CÁC TRẠM Y TẾ

STT	Tên đơn vị	Nội dung	Tên lãnh đạo đơn vị	SĐT Lãnh đạo đơn vị phụ trách khám	Tên lãnh đạo phòng phụ trách chuyên môn khám	SĐT lãnh đạo phòng phụ trách chuyên môn khám
1	Bệnh viện Nhi Hà Nội	Khám sức khỏe cho đối tượng Nhi	Đỗ Thị Thuý Nga	0978374396	Phạm Văn Hòa	0984272750
2	Bệnh viện phụ Sản Hà Nội	Khám sàng lọc Ung thư vú, Ung thư cổ tử cung	Đinh Thuý Linh	0936655779	Vũ Thị Nguyệt Ánh	0988646740
3	Bệnh viện Ung Bướu Hà Nội	Khám sàng lọc các bệnh Ung thư	Vũ Kiên	0916176666	Nguyễn Công Bình	0913080032
4	Bệnh viện Phổi Hà Nội	Khám sàng lọc các bệnh về Phổi	Nguyễn Văn Đông	0912868097	Phạm Thu Ánh	0904411583
5	Bệnh viện Tâm thần Hà Nội	Khám sàng lọc các bệnh Rối loạn tâm thần	Đỗ Văn Thắng	0912593825	Nguyễn Thuý Anh	0386608589
6	Bệnh viện Tâm thần Mỹ Đức		Cao Xuân Trường	0972925468	Nguyễn Minh Hiếu	0941687239
7	Bệnh viện Tâm thần ban ngày Mai Hương		Bùi Lưu Hưng	0976882299	Nguyễn Khắc Dũng	0375946276

PHỤ LỤC 2. QUY TRÌNH QUẢN LÝ, ĐIỀU PHỐI VIỆC KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ ĐỐI VỚI NGƯỜI DÂN TẠI CÁC PHƯỜNG, XÃ

Bước 1. Rà soát, lập danh sách các đối tượng trên địa bàn

Ủy ban nhân dân phường, xã chỉ đạo rà soát, lập và quản lý danh sách các đối tượng là người dân sinh sống trên địa bàn Thành phố Hà Nội thường trú hoặc tạm trú từ 12 tháng trở lên có xác nhận qua VNeID, bảo đảm đầy đủ, chính xác và cập nhật định kỳ.

Lập danh sách các đối tượng thuộc diện khám theo phân nhóm đối tượng và lứa tuổi theo gói khám.

Bước 2. Thông báo hoặc gửi giấy mời khám sức khỏe

Ủy ban nhân dân phường, xã tổ chức thông báo hoặc gửi giấy mời đến từng đối tượng theo danh sách quản lý; đồng thời hướng dẫn cụ thể thời gian, địa điểm khám sức khỏe và các giấy tờ cần mang theo khi đi khám.

Bước 3. Người dân đến khám sức khỏe

Người dân mang theo thông báo, giấy mời, CCCD đến các điểm khám sức khỏe theo đúng thời gian, địa điểm được hướng dẫn trong thông báo, giấy mời.

Bước 4. Tổ chức khám sức khỏe và cập nhật dữ liệu

Cơ sở khám sức khỏe thực hiện khám sức khỏe định kỳ theo đúng quy trình chuyên môn, biểu mẫu và hướng dẫn của Sở Y tế.

Kết quả khám sức khỏe phải được cập nhật đầy đủ vào hồ sơ sức khỏe điện tử trong vòng 24 giờ kể từ khi hoàn thành khám sức khỏe.

Bước 5. Rà soát, theo dõi và tổ chức khám bổ sung

Trạm Y tế định kỳ hằng tháng rà soát danh sách các đối tượng đã được khám sức khỏe trên hồ sơ sức khỏe điện tử.

Đối với các trường hợp chưa được khám sức khỏe định kỳ, Trạm Y tế tổng hợp danh sách, báo cáo Ủy ban nhân dân phường, xã để tiếp tục tổ chức mời khám và triển khai lại quy trình từ Bước 1 nhằm bảo đảm các đối tượng trên địa bàn được khám sức khỏe đầy đủ theo kế hoạch.

PHỤ LỤC 3. QUY TRÌNH KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ TẠI ĐIỂM SỨC KHỎE

Bước 1. Tiếp nhận, xác định đối tượng khám sức khỏe

Nhân viên cơ sở khám sức khỏe tiếp nhận người dân, khai thác thông tin hành chính và đối chiếu thông tin CCCD để xác định nhóm đối tượng hưởng chính sách; đồng thời đối chiếu thông tin trên danh sách khám của UBND xã, phường.

Bước 2. Tra cứu thông tin và xác định đối tượng thụ hưởng

Nhân viên cơ sở khám sức khỏe tra cứu thông tin trên hồ sơ sức khỏe điện tử, đồng thời đối chiếu thông tin do người dân cung cấp để xác định tình trạng khám sức khỏe trong năm.

- Trường hợp người dân đã có thông tin:

+ Kiểm tra tình trạng khám sức khỏe trong năm.

+ Nếu người dân đã được khám sức khỏe định kỳ trong năm thì hướng dẫn, giải thích để người dân không thực hiện khám trùng lặp.

+ Nếu người dân chưa được khám sức khỏe trong năm thì tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo của quy trình.

- Trường hợp chưa có thông tin:

+ Nhân viên cơ sở khám sức khỏe cập nhật đầy đủ thông tin hành chính của người dân theo giấy mời, CCCD, hoặc giấy tờ tùy thân hợp lệ (người dân đến khám phải mang theo thông báo hoặc giấy mời, CCCD để đối chiếu thông tin).

+ Sau khi cập nhật thông tin, tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo của quy trình.

Bước 1. Khám lâm sàng và chỉ định cận lâm sàng

Bác sĩ thực hiện khám sức khỏe theo đầy đủ các nội dung chuyên khoa theo biểu mẫu quy định; đồng thời chỉ định thực hiện các xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh và cận lâm sàng phù hợp theo gói khám sức khỏe của từng đối tượng.

Bước 2. Thực hiện lấy mẫu xét nghiệm

Nhân viên y tế thực hiện lấy mẫu xét nghiệm theo chỉ định của bác sĩ và chuyển mẫu đến phòng xét nghiệm để thực hiện theo quy định chuyên môn.

Bước 3. Thực hiện chẩn đoán hình ảnh

Người dân được thực hiện chụp X-quang ngực thẳng

Bước 4. Kết luận, tư vấn sức khỏe

- Tư vấn sơ bộ cho cộng dân ngay sau khi khám.

- Sau khi có đầy đủ kết quả khám lâm sàng và cận lâm sàng, bác sĩ thực hiện:

+ Kết luận tình trạng sức khỏe;

+ Tư vấn, giáo dục sức khỏe;

+ Hướng dẫn theo dõi, điều trị hoặc chuyển khám chuyên sâu (nếu cần).

Việc trả kết quả và tư vấn sức khỏe cho người dân được thực hiện trong thời gian từ 24 đến 48 giờ sau khi hoàn tất khám sức khỏe.

Bước 5. Nhập và cập nhật dữ liệu khám sức khỏe

Nhân viên cơ sở khám sức khỏe cập nhật đầy đủ kết quả khám sức khỏe, kết luận và thông tin quản lý sức khỏe của người dân vào hồ sơ sức khỏe điện tử theo đúng biểu mẫu quy định trong vòng 24 giờ kể từ khi hoàn thành khám sức khỏe.

PHỤ LỤC 4. MẪU BÁO CÁO ĐIỀU TRA

PHỤ LỤC 5. MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ KHÁM SỨC KHỎE, KHÁM SÀNG LỌC

1. Mẫu 01. Kết quả khám sức khỏe, khám sàng lọc tháng ... (tại đường link:

https://docs.google.com/spreadsheets/d/111I2Wu7r4niHfk7pVgD_ntcUjKjodFKnIWxIFKkN1Pw/edit?gid=164222920#gid=164222920)

STT	Tên đơn vị	Người báo cáo	SDT người báo cáo	Tổng số phải khám (nhóm 1, nhóm 2, nhóm 5)	Tổng số khám cộng dồn tính đến thời điểm báo cáo	Tỷ lệ đạt (%)	Tổng số khám (trong tháng ...)	Đối tượng										TS trường hợp chuyển tuyến	Số lượng HSSK được lập mới	Số lượng HSSK được cập nhật	Đơn vị khám		
								Nhóm 1					Nhóm 5									Nhóm 2	
								Khám sức khỏe			Khám sàng lọc	Khám sức khỏe			Khám sàng lọc								
								<6 tuổi	6-18 tuổi	>18 tuổi		<6 tuổi	6-18 tuổi	>18 tuổi									
1	...																						
2	...																						

2. Mẫu 02. Kết quả khám sàng lọc tháng ... (tại đường link: <https://docs.google.com/spreadsheets/d/1yE-e442q4QjOVHno10THCFCU6khJ8XyNedfoGYnE16g/edit?gid=1385105060#gid=1385105060>)

T T	Tên đơn vị	Người báo cáo	SDT người báo cáo	Tổng số phải khám (nhóm 1, nhóm 5)	Tổng số khám cộng dồn tính đến thời điểm báo cáo	Tỷ lệ đạt (%)	Tổng số lượt khám sàng lọc theo (tháng ...)	Nhóm bệnh sàng lọc												TS trường hợp chuyển tuyến	Số lượng HSSK được lập mới	Số lượng HSSK được cập nhật	Đơn vị khám
								T H A	ĐTĐ type 2	Hen phế quản	Phổi tắc nghẽn mạn tính	Ung thư vú	Ung thư cổ tử cung	Ung thư khoang miệng	Ung thư đại trực tràng	Ung thư tuyến tiền liệt	Rối loạn trầm cảm	Rối loạn lo âu	Rối loạn tâm thần do rượu				
1	...																						
2	...																						

3. Báo cáo phân tích mô hình bệnh tật tháng ...

T T	Tên đơn vị	Người báo cáo	SDT người báo cáo	Nhóm đối tượng		Tổng số người KSK định kỳ	Tổng số người khám sàng lọc	Tổng số phát hiện bệnh	Trong đó										
									Tim mạch	Huyết áp	Tiểu đường	Hô hấp	Rối loạn tâm thần	Ung thư	Sản phụ khoa	Mắt	TMH	RHM	Các bệnh khác
1	...			Nhóm 1	<6														
2	...				6-18														
3					>18														
				Nhóm 5	<6														
					6-18														
					>18														
				Nhóm 2	<6														
					6-18														

Ghi chú: Báo cáo gửi về Sở Y tế trước ngày 05 hàng tháng

PHỤ LỤC 6. MẪU BÁO CÁO DÀNH CHO CÁC CƠ SỞ LAO ĐỘNG TRÊN ĐỊA BÀN

1. Báo cáo số lượng khám sức khỏe

TT	Tên cơ sở lao động	Địa chỉ đăng ký kinh doanh	Địa chỉ sản xuất	Điện thoại	Ngành nghề sản xuất chính	Số người lao động		Số người làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm		Số người lao động đã được khám sức khỏe định kỳ đến thời điểm báo cáo)		Tổng số chuyển tuyển	Số lượng HSSK được lập mới	Số lượng HSSK được cập nhật	Đơn vị khám
						Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ				
1															
2															
3															
...															

2. Báo cáo mô hình bệnh tật

T T	Tên đơn vị	Người báo cáo	SDT người báo cáo	Tổng số người KSK định kỳ	Tổng số người khám sàng lọc	Tổng số phát hiện bệnh	Trong đó										
							Tim mạch	Huyết áp	Tiểu đường	Hô hấp	Rối loạn tâm thần	Ung thư	Sản phụ khoa	Mắt	TMH	RHM	Các bệnh khác
1	...																
2	...																
3																	

Ghi chú: Báo cáo gửi về Sở Y tế trước ngày 05 hàng tháng

PHỤ LỤC 7. MẪU KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ CHO NGƯỜI DÂN

.....
(Tên đơn vị).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GKSK-

Mẫu số 01. Mẫu giấy khám sức khỏe định kỳ đối với trẻ em dưới 06 tuổi

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1675/QĐ-BYT ngày 10 tháng 6 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Y tế)

HÀNH CHÍNH		
1. Họ và tên (In hoa): Mã định danh (CCCD):		
2. Sinh ngày: Sinh non: ☐ Có ☐ Không		
3. Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ		
4. Dân tộc:		
5. Nơi ở:		
6. Họ tên người đi cùng trẻ:		
7. Mối quan hệ với trẻ: ☐ Cha ☐ Mẹ ☐ Ông/bà ☐ Anh/chị ☐ Họ hàng ☐ Khác		
8. Tiền sử: - Bản thân: - Gia đình: - Tiền sử tiếp xúc với người bệnh lao: ☐ Có ☐ Không		
ĐÁNH GIÁ DẤU HIỆU SINH TỒN		
Nhiệt độ: độ C ☐ Bình thường ☐ Sốt ☐ Hạ thân nhiệt		
Mạch: lần/phút ☐ Bình thường ☐ Nhanh		
Nhịp thở: lần/phút ☐ Bình thường ☐ Thở nhanh ☐ Thở chậm		
ĐÁNH GIÁ DINH DƯỠNG		
Chiều dài (cm): Chiều dài/Tuổi: SD		
Cân nặng (kg): Cân nặng/Tuổi: SD		
Vòng đầu (cm): ☐ Bình thường ☐ Đầu to ☐ Đầu nhỏ		
Chu vi vòng cánh tay (mm):		
☐ Phù dinh dưỡng ☐ Dấu hiệu thiếu máu ☐ Dấu hiệu còi xương ☐ Suy dinh dưỡng ☐ Thừa cân/béo phì		
ĐÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN TINH THẦN - VẬN ĐỘNG		
Hành vi và năng lực trẻ theo độ tuổi	Kết quả	
	Có	Không
- Phát triển tinh thần bình thường của trẻ theo độ tuổi	☐	☐
- Phát triển vận động bình thường của trẻ theo độ tuổi	☐	☐
- Trẻ có nguy cơ tự kỷ (với trẻ từ 16-30 tháng tuổi)	☐	☐
ĐÁNH GIÁ TIÊM CHỦNG		
Kiểm tra sổ tiêm chủng	Có	Không
- Lao (sơ sinh)	☐	☐
- Viêm gan B mũi 1 (sơ sinh)	☐	☐
- Tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin theo độ tuổi	☐	☐
KHÁM LÂM SÀNG		

Quan sát: Nét mặt/tư thế/tỷ lệ, sự đối xứng với các bộ phận cơ thể/sự chuyển động của trẻ.
 Tìm dấu hiệu bệnh cấp hoặc mạn tính.

1. Da

- Màu sắc da: ☐ Hồng hào ☐ Nhợt ☐ Tím ☐ Vàng ☐ Sạm da
- Lòng bàn tay: ☐ Bình thường (không nhợt) ☐ Không bình thường (nhợt)

2. Đầu - cổ

2.1. Khám đầu - cổ

- Thóp (trẻ nhỏ còn thóp): ☐ Bình thường ☐ Rộng ☐ Hẹp ☐ Thóp phồng
- Kích thước và hình dạng đầu: ☐ Bình thường ☐ Không bình thường
- Vận động cổ: ☐ Bình thường ☐ Giới hạn
- Khối bất thường: ☐ Không ☐ Có

2.2. Khám mắt

- Vị trí 2 mắt: ☐ Bình thường ☐ 2 mắt xa nhau
- Mí mắt và kết mạc: ☐ Bình thường ☐ Sung/đỏ ☐ Chảy ghèn/mủ
- Đồng tử (kích thước, phản xạ): ☐ Bình thường ☐ Không bình thường
- Lác mắt: ☐ Không ☐ Có

2.3. Khám tai

- Tai và màng nhĩ: ☐ Bình thường ☐ Không bình thường
- Đáp ứng với âm thanh: ☐ Bình thường ☐ Không bình thường
- Có khối sưng sau tai: ☐ Không ☐ Có
- Dấu hiệu chảy mủ, nước tai: ☐ Không ☐ Có

2.4. Khám mũi - họng

- Hình dạng mũi: ☐ Bình thường ☐ Mũi to, dày ☐ Bất sản xương mũi
- Chảy nước mũi: ☐ Không ☐ Có
- Ngẹt mũi: ☐ Không ☐ Có
- Họng: ☐ Bình thường ☐ Không bình thường

2.5. Khám miệng, răng (với trẻ đã có răng)

- Hình dạng miệng: ☐ Bình thường ☐ Sứt môi, chẻ vòm
- Răng sữa sơ sinh: ☐ Không ☐ Có
- Hình dạng lưỡi: ☐ Bình thường ☐ Lưỡi to bè
- Dính trắng lưỡi: ☐ Không ☐ Có
- Nám miệng: ☐ Không ☐ Có
- Cằm nhỏ, tụt về sau: ☐ Không ☐ Có
- Vết sâu, mảng bám, lỗ trên răng: ☐ Không ☐ Có

3. Hô hấp

- Nhịp thở không đều: ☐ Không ☐ Có cơn ngưng thở trên 5 giây
- Thở rút lõm lồng ngực: ☐ Không ☐ Có
- Tiếng thở bất thường: ☐ Không ☐ Có
- Dấu hiệu suy hô hấp: ☐ Không ☐ Có
- Nghe phổi: ☐ Bình thường ☐ Không bình thường

4. Tim mạch

- Vị trí mỏm tim: ☐ Bình thường ☐ Không bình thường
- Mạch ngoại vi (mạch quay-bẹn): ☐ Bắt rõ ☐ Mạch nhẹ ☐ Không bắt được
- Nghe tim (loạn nhịp, tiếng thổi): ☐ Không ☐ Có

5. Bụng và cơ quan sinh dục

- Hình dáng bụng, rốn: ☐ Bình thường ☐ Không bình thường
- Gan, lách to: ☐ Không ☐ Có
- Khối bất thường: ☐ Không ☐ Có
- Lỗ hậu môn: ☐ Bình thường ☐ Không bình thường
- Cơ quan sinh dục ngoài: ☐ Bình thường ☐ Không bình thường

6. Cơ xương và thần kinh

- Vận động không đối xứng: ☐ Không ☐ Có
 - Phản xạ bú: ☐ Không ☐ Có
 - Phản xạ nắm: ☐ Không ☐ Có
 - Phản xạ Moro: ☐ Không ☐ Có
 - Trương lực cơ: ☐ Bình thường ☐ Tăng ☐ Giảm
 - Khớp háng: ☐ Bình thường ☐ Trật khớp háng
 - Phản xạ cơ: ☐ Bình thường ☐ Không bình thường
 - Kiểm tra lưng, cột sống: ☐ Bình thường ☐ Không bình thường
 - Khám tứ chi và khớp: ☐ Bình thường ☐ Không bình thường
 - Quan sát dáng đi: ☐ Bình thường ☐ Không bình thường
 - Dấu hiệu còi xương: ☐ Không ☐ Có
-

KẾT LUẬN VÀ TƯ VẤN

Kết luận về sức khỏe:

- ☐ Bình thường.
- ☐ Có nguy cơ mắc lao (tiền sử tiếp xúc).
- ☐ Có vấn đề về sức khỏe.

Ghi rõ:

Tư vấn và hẹn khám lần sau:

Bác sĩ khám:

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu trắc nghiệm nguy cơ tự kỷ (M-CHAT-R)

(Áp dụng cho trẻ từ 16 - 30 tháng tuổi)

Họ tên trẻ: Nam/Nữ.
 Ngày sinh: Tuổi:
 Địa chỉ:
 Ngày đánh giá:
 Người đánh giá: ☐ Bố ☐ Mẹ ☐ Người chăm sóc khác:

Anh/chị hãy trả lời các câu hỏi dưới đây về những hành vi có thể gặp ở con mình.

Nếu hành vi nào xảy ra rất ít khi (chỉ thấy 1-2 lần) thì coi như không có.

Nội dung	Có	Không
1. Nếu bạn chỉ vào một điểm trong phòng, con bạn có nhìn theo không? (Ví dụ: nếu bạn chỉ vào đồ chơi hay con vật, con bạn có nhìn vào đồ chơi đó hay con vật đó không?)	☐	☐
2. Bạn có bao giờ tự hỏi liệu con bạn có bị điếc không?	☐	☐
3. Con bạn có chơi trò tưởng tượng hoặc giả vờ không? (Ví dụ: giả vờ uống nước từ một cái cốc rỗng, giả vờ nói chuyện điện thoại hay giả vờ cho búp bê, thú bông ăn)	☐	☐
4. Con bạn có thích leo trèo lên đồ vật không? (Ví dụ: trèo lên đồ đạc trong nhà, đồ chơi ngoài trời hoặc leo cầu thang)	☐	☐
5. Con bạn có làm các cử động ngón tay một cách bất thường gần mắt của trẻ không? (Ví dụ: con bạn có vẫy/đưa qua đưa lại ngón tay gần mắt của trẻ)	☐	☐
6. Con bạn có dùng ngón tay tỏ vẻ yêu cầu việc gì đó, hoặc để muốn được giúp đỡ không? (Ví dụ: chỉ vào bím bím hoặc đồ chơi ngoài tầm với)	☐	☐
7. Con bạn có dùng một ngón tay để chỉ cho bạn thứ gì đó thú vị mà trẻ thích thú không? (Ví dụ: chỉ vào máy bay trên bầu trời hoặc một cái xe tải lớn trên đường)	☐	☐
8. Con bạn có thích chơi với những đứa trẻ khác không? (Ví dụ: con bạn có quan sát những đứa trẻ khác, cười với những trẻ này hoặc tới chơi với chúng không?)	☐	☐
9. Con bạn có khoe với bạn những đồ vật bằng cách cầm hoặc mang chúng đến cho bạn xem, không phải để được bạn giúp đỡ mà chỉ để chia sẻ với bạn không? (Ví dụ: khoe với bạn một bông hoa, thú bông hoặc một cái xe tải đồ chơi)	☐	☐
10. Con bạn có đáp lại khi được gọi tên không? (Ví dụ: con bạn có ngược lên tìm người gọi, đáp chuyện hay bập bẹ, hoặc ngừng việc đang làm khi bạn gọi tên của trẻ?)	☐	☐
11. Khi bạn cười với con bạn, con bạn có cười lại với bạn không?	☐	☐
12. Con bạn có cảm thấy khó chịu bởi những tiếng ồn xung quanh? (Ví dụ: con bạn có hét lên hay la khóc khi nghe tiếng ồn của máy hút bụi hoặc tiếng nhạc to?)	☐	☐
13. Con bạn có biết đi không?	☐	☐
14. Con bạn có nhìn vào mắt bạn khi bạn đang nói chuyện với trẻ, chơi cùng trẻ hoặc mặc quần áo cho trẻ không?	☐	☐
15. Con bạn có bắt chước những điều bạn làm không? (Ví dụ: vẫy tay bye bye, vỗ tay hoặc bắt chước tạo ra những âm thanh vui vẻ)	☐	☐
16. Nếu bạn quay đầu để nhìn gì đó, con bạn có nhìn xung quanh để xem bạn đang nhìn cái gì không?	☐	☐
17. Con bạn có gây sự chú ý để bạn phải nhìn vào trẻ không? (Ví dụ: con bạn có nhìn bạn để được bạn khen ngợi hoặc trẻ nói “nhìn” hay “nhìn con”)	☐	☐
18. Con bạn có hiểu bạn nói gì khi bạn yêu cầu con làm không? (Ví dụ: Nếu bạn không chỉ tay, con bạn có hiểu “đề sách lên ghế”, “đưa mẹ/bố cái chăn” không?)	☐	☐
19. Nếu có điều gì mới lạ, con bạn có nhìn bạn để xem bạn cảm thấy thế nào về việc xảy ra không? (Ví dụ: nếu trẻ nghe thấy một âm thanh lạ hoặc thú vị, hay nhìn thấy một đồ chơi mới, con bạn có nhìn bạn không?)	☐	☐
20. Con bạn có thích những hoạt động mang tính chất chuyển động không? (Ví dụ: được lắc lư hoặc nhún nhảy trên đầu gối của bạn)	☐	☐

Nội dung	Có	Không
Tổng dấu hiệu nguy cơ		

Chú ý: Câu 2, 5, 12: câu trả lời “Có” là có ý nghĩa nguy cơ.

Cách chấm điểm:

- Các câu 2, 5, 12 nếu trả lời “Có” thì chấm 1 điểm, trả lời “Không” thì chấm 0 điểm.
- Các câu còn lại nếu trả lời “Có” thì chấm 0 điểm, trả lời “Không” thì chấm 1 điểm.

Tổng điểm/phiên giải nguy cơ:

- + 1-2 điểm: Trẻ có yếu tố nguy cơ thấp, quan sát thêm và đến 24 tháng tuổi đi kiểm tra lại.
- + Từ 3 điểm trở lên: Trẻ nên đi khám chuyên khoa.

.....
(Tên đơn vị).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SKSK-

Mẫu số 02. Mẫu sổ khám sức khỏe định kỳ cho người từ 18 tuổi trở lên

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

.....
.....
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/SKSK-.....

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ CHO NGƯỜI TỪ 18 TUỔI TRỞ LÊN

Ảnh
(4 x 6 cm) (đồng
dấu ráp lại hoặc
Scan ảnh)

1. Họ và tên (viết chữ in hoa):
2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐
3. Sinh Ngày tháng năm (Tuổi:.....)
4. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD :
5. Cấp ngày...../...../..... Tại.....
6. Chỗ ở hiện tại:.....;
- Số điện thoại liên hệ:

*** Lưu ý:** Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chip hoặc có sổ định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) sổ định danh công dân

7. Nghề nghiệp:
8. Nơi công tác, học tập:
9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay:..... /..... /
10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):
a) thời gian làm việc....
năm..... tháng từ ngày/...../..... đến...../...../.....
b) thời gian làm việc....
năm..... tháng từ ngày/...../..... đến...../...../.....
11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình:
-
-
-
12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	
d)		d)	

Người lao động xác nhận
(Ký và ghi rõ họ, tên)

..... ngày..... tháng..... năm.....
Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ
I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT
(Bác sỹ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

.....
.....
.....
.....
.....

Tiền sử sản phụ khoa (Đối với nữ):

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi:

- Tính chất kinh nguyệt: ☐ Thường ☐ Không đều ☐

Chu kỳ kinh: ngày

Lượng kinh: ngày

Đau bụng kinh: Có ☐ Không ☐

- Đã lập gia đình: Có ☐ Chưa ☐

--	--

- PARA:

--	--	--	--

- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có ☐ Ghi rõ:Chưa ☐- Có đang áp dụng BPTT không? Có ☐ Ghi rõ: Không ☐**II. KHÁM THỂ LỰC**

Chiều cao:cm; Cân nặng: Kg; Chỉ số BMI:

Mạch: lần/phút; Huyết áp: /mmHg

Phân loại thể lực:

.....

III. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
phải khám đầy đủ các nội dung theo chuyên khoa để khẳng định có/hay không có bệnh, tật theo quy định tại Quyết định...		
1. Nội khoa		
a)	Tuần hoàn	
	Phân loại	
b)	Hô hấp	
	Phân loại	
c)	Tiêu hóa	
	Phân loại	
d)	Thận-Tiết niệu	
	Phân loại	
đ)	Nội tiết	
	Phân loại	
e)	Cơ - xương - khớp	
	Phân loại	
g)	Thần kinh	
	Phân loại	
h)	Tâm thần	
	Phân loại	
Ngoại khoa, Da liễu:		
- Ngoại khoa:		
2.	Phân loại:	
- Da liễu:		
Phân loại:		
3.	Sân phụ khoa: Chi tiết nội dung khám theo danh mục tại phụ lục XXV ban hành kèm theo Thông tư này.	
Phân loại:		
4. Mắt:		
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải..... Mắt trái.....		
Có kính: Mắt phải..... Mắt trái.....		
Các bệnh về mắt (nếu có):		
Phân loại:		
5. Tai - Mũi - Họng		
Kết quả khám thính lực:		
Tai trái: Nói thường..... m; Nói thầm..... m		
Tai phải: Nói thường..... m; Nói thầm..... m		
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):		
Phân loại:		
6. Răng - Hàm - Mặt		
Kết quả khám:		
Hàm trên:		
.....		
Hàm dưới:		
.....		
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):		
Phân loại		

IV. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu:	
a) Công thức máu:	
Số lượng HC:	
Số lượng Bạch cầu:	

Số lượng tiểu cầu:	
b) Sinh hóa máu: Đường máu:	
Urê:..... Creatinin:	
ASAT(GOT):..... ALAT (GPT):	
2. Xét nghiệm nước tiểu:	
a) Đường:	
b) Protein:	
c) Khác (nếu có):	
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng):	
.....	
.....	
.....	

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe:¹
2. Các bệnh, tật (nếu có):²
-
-

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

.....
(Tên đơn vị).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GSKK-

Mẫu số 03. Mẫu giấy khám sức khỏe dùng cho người từ 06 đến 18 tuổi

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

Ảnh
(4 x 6 cm) (đồng
dầu ráp lại hoặc
Scan ảnh

1. Họ và tên (viết chữ in hoa):
2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐; 3. Sinh Ngày tháng năm; Tuổi:.....
4. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD :
5. Cấp ngày...../...../..... Tại.....
6. Chỗ ở hiện tại:.....
7. Chỗ ở hiện tại:.....
- * **Lưu ý:** Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chip hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi các mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân.
8. Lý do khám sức khỏe:.....

TIỀN SỬ BỆNH TẬT

1. Tiền sử gia đình

Có ai trong gia đình mắc các bệnh bẩm sinh hoặc bệnh truyền nhiễm không:

a) Không ☐ b) Có ☐ ; Nếu “có”, đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

2. Tiền sử bản thân:

a) Sản khoa:

- Bình thường.

- Không bình thường: Đề thiếu tháng; Đề thừa cân; Đề có can thiệp; Đề ngạt; Mẹ bị bệnh trong thời kỳ mang thai (Nếu có cần ghi rõ tên bệnh:

b) Tiêm chủng:

STT	Loại vắc xin	Tình trạng tiêm/ uống vắc xin		
		Có	Không	Không nhớ rõ
1	BCG			
2	Bạch hầu, ho gà, uốn ván			
3	Sởi			
4	Bại liệt			
5	Viêm não Nhật Bản B			
6	Viêm gan B			
7	Các loại khác			

c) Tiền sử bệnh/tật: (Các bệnh bẩm sinh và mãn tính)

- Không

- Có

Nếu “có”: ghi cụ thể tên bệnh

d) Hiện tại có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, ghi rõ tên bệnh và liệt kê các thuốc đang dùng:

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

..... ngày..... tháng..... năm

Người đề nghị khám sức khỏe
(Hoặc cha/mẹ hoặc người giám hộ)
(Ký và ghi rõ họ, tên)

I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao:..... cm; - Cân nặng:..... Kg;
 - Chỉ số BMI:
 - Mạch: lần/phút; - Huyết áp:...../..... mmHg
 Phân loại thể lực:

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1. Nhi khoa		
a) <i>Tuần hoàn</i>		
b) <i>Hô hấp</i>		
c) <i>Tiêu hóa</i>		
d) <i>Thận-Tiết niệu</i>		
đ) <i>Thần kinh</i>		
e) <i>Tâm thần</i>		
g) <i>Khám lâm sàng khác</i>		
2. Mắt:		
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải..... Mắt trái..... Có kính: Mắt phải..... Mắt trái.....		
Các bệnh về mắt (nếu có):		
3. Tai - Mũi - Họng		
Kết quả khám thính lực:		
Tai trái: Nói thường..... m; Nói thầm..... m Tai phải: Nói thường..... m; Nói thầm..... m		
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):		
4. Răng - Hàm - Mặt		
Kết quả khám:		
Hàm trên:		
Hàm dưới:		
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):		
5. Cơ xương khớp		
a) Kết quả khám		
- Bình thường ☐		
- Cong cột sống: Gù ☐ uốn ☐		
- Vẹo cột sống: Hình chữ S ☐ Hình chữ C ☐		
b) Các bệnh cơ xương khớp khác (nếu có)		

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ:	
Kết quả:	

IV. KẾT LUẬN CHUNG:

Sức khỏe bình thường:

.....

Hoặc các vấn đề sức khỏe cần lưu ý:

..... ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 8. MẪU PHIẾU KHÁM SÀNG LỌC CHO NGƯỜI DÂN

Mẫu số 01. Phiếu sàng lọc đánh giá yếu tố nguy cơ mắc bệnh tim mạch - tăng huyết áp - bệnh đái tháo đường

(Áp dụng đối với người dân ≥ 40 tuổi)

A. THÔNG TIN HÀNH CHÍNH

Người điều tra:..... Đơn vị công tác :.....

Xã/phường:..... Ngày thực hiện:.....

Họ và tên đối tượng :.....

Năm sinh dương lịch (Tuổi):Giới: Nam/Nữ

Địa chỉ:

Số DT liên hệ:Số CCCD (nếu có).....

B. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

1. Hỏi tiền sử bệnh (Lưu ý: Người đã được cơ sở y tế chẩn đoán mắc một bệnh nào đó thì không đánh giá yếu tố nguy cơ mắc bệnh đó ở phần sau nữa.)

TT	Tiền sử bệnh
1	Tăng huyết áp Đã được chẩn đoán: 1. Không 2. Có, Phát hiện năm:.....tại:..... Được điều trị tại cơ sở y tế: 1. Không 2. Có, Điều trị năm:.....tại:.....
2	Đái tháo đường Đã được chẩn đoán: 1. Không 2. Có, Phát hiện năm:.....tại:..... Được điều trị tại cơ sở y tế: 1. Không 2. Có, Điều trị nămtại:.....
3	Tiền Đái tháo đường Đã được chẩn đoán: 1. Không 2. Có, Phát hiện năm:.....tại:..... Được điều trị tại cơ sở y tế: 1. Không 2. Có, Điều trị năm:.....tại:.....

2. Đo chỉ số nhân trắc, đo huyết áp và xét nghiệm Glucose máu mao mạch/tĩnh mạch.

Chỉ số	Kết quả	Tiêu chuẩn	Đánh giá
Cân nặng: kg Chiều cao: cm $BMI = \text{Cân nặng}/(\text{chiều cao})^2$ Cân nặng: kg Chiều cao: m		Bình Thường: 18,5-24,9 - Thừa cân: 25-29,9; - Béo phì: ≥ 30 (theo WHO)	☐ Bình thường ☐ Thừa cân ☐ Béo phì
Vòng eo	 cm	Nam ≥ 90 , Nữ ≥ 80	☐ Bình thường ☐ Béo bụng
Huyết áp	.../... mmHg	140/90 mmHg	☐ Bình thường ☐ Tăng
Đường máu mao mạch/tĩnh mạch	 Mmol/l hoặc mg/dL	Xét nghiệm G máu - Đái tháo đường: ≥ 7 mmol/l - Tiền đái tháo đường: 5,6-6,9 mmol/l	☐ Đái tháo đường ☐ Tiền đái tháo đường

3. Khảo sát nguy cơ mắc tăng huyết áp

A	Dấu hiệu nghi ngờ mắc tăng huyết áp	Có	Không
1	HA tối đa từ 130-139 mmHg và/hoặc HA tối thiểu từ 80-89 mmHg		
B	Yếu tố nguy cơ của tăng huyết áp		
2	Tuổi >55 với nam, > 65 tuổi với nữ		
3	Có hút thuốc lá hoặc thuốc lào		

A	Dấu hiệu nghi ngờ mắc tăng huyết áp	Có	Không
4	Vận động thể lực <30 phút/ngày, dưới 05 ngày/tuần (bao gồm thể dục, thể thao, đi bộ và lao động chân tay)		
5	Ăn ≥ 5 gam muối/người/ngày (tương đương với 1 thìa cà phê)		
6	Ăn ít rau, trái cây (<400gam/ngày)		
7	Uống nhiều rượu, bia		
8	Bố/mẹ/anh/chị/em ruột mắc bệnh tim mạch ở độ tuổi nam <55, nữ <65 Lưu ý: Bệnh tim mạch là tình trạng rối loạn chức năng hoặc cấu trúc tim và/hoặc mạch máu: ví dụ bệnh mạch vành, rối loạn nhịp tim, bệnh van tim, tai biến mạch máu não...		
9	Hay bị stress và căng thẳng tâm lý		
10	Thừa cân, béo phì		
11	Mắc bệnh đái tháo đường (đã được cơ sở y tế chẩn đoán)		
12	Rối loạn lipid máu (đã được cơ sở y tế chẩn đoán)		
Tổng số YTNC			

Lưu ý: Theo quyết định 3756/QĐ-BYT ngày 21/6/2018

- Uống nhiều rượu, bia:	
Nam uống: >02 chai bia 330ml (5%) hoặc 02 hộp bia 330 ml (5%) hoặc 02 cốc bia hơi 330ml hoặc >02 ly rượu vang 100ml (13,5%) hoặc 02 chén rượu mạnh 30ml (40%);	Nữ uống: $\frac{3}{4}$ chai bia 330ml (5%) hoặc >3/4 hộp bia 330ml (5%) hoặc >01 cốc bia hơi 330 ml hoặc 01 ly rượu vang 100ml (13,5%) hoặc 01 chén rượu mạnh 30ml (40%)
- Thừa cân, béo phì: Thừa cân: BMI = 25-29,9; béo phì: BMI ≥ 30 (theo WHO)	

4. Khảo sát nguy cơ mắc bệnh Đái tháo đường

Căn cứ Theo quyết định 3756/QĐ-BYT ngày 21/6/2018; Quyết định 3087/QĐ-BYT ngày 16/7/2020 (Khoanh vào ô chấm điểm phù hợp):

A	Dấu hiệu nghi ngờ mắc bệnh Đái tháo đường		1. Có
	Tiểu nhiều, khát nước nhiều, ăn nhiều, sút cân hoặc		2. Không
B	Nguy cơ của bệnh Đái tháo đường (Khoanh vào ô chấm điểm)		Chấm điểm
1	Tuổi	< 40	0
		40 - 49	1
		50 - 59	2
		≥ 60	3
2	Giới	Nữ	0
		Nam	1
3	Nếu là nữ: bạn đã bao giờ bị chẩn đoán ĐTĐ thai kỳ chưa?	Không	0
		Có	1
4	Cha, mẹ, anh, chị, em ruột, con đẻ bị ĐTĐ	Không	0
		Có	1
5	Đã được chẩn đoán THA	Chưa	0
		Có	1
6	Bạn có phải là người thường xuyên vận động không	Có	0
		Không	1
7	BMI (Kg/m ²)	Gầy: <18,5	0
		Bình Thường: 18,5-22,9	0

		Thừa cân: 23-24,9	1
		Béo phì: 25-29,9	2
		Rất béo phì ≥ 30	3
	Tổng điểm		đ
Nếu có tổng điểm ≥ 5 điểm: có nguy cơ cao mắc bệnh ĐTĐ₂.			
Bạn nên thăm khám bác sỹ để kiểm tra đường huyết nhằm tầm soát tiền ĐTĐ và ĐTĐ			

5. Tư vấn hướng dẫn

- Hướng dẫn tuân thủ điều trị và tái khám đối với những người đã được chẩn đoán mắc bệnh.
- Hướng dẫn đến cơ sở y tế khám phát hiện bệnh đối với người có dấu hiệu nghi ngờ mắc bệnh hoặc có nguy cơ cao hoặc theo dõi mắc mới.
- Tư vấn thay đổi hành vi lối sống tùy theo nguy cơ mắc bệnh

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02. Phiếu khám phát hiện bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản**I. Hành chính**

1. Họ và tên: Nam/Nữ:

2. Năm sinh:

3. Địa chỉ:

4. Số điện thoại liên lạc:

II. Khám bệnh**1. Tiền sử:**

Bản thân:

Hút thuốc lá, thuốc lào ☐ Tiếp xúc khói bụi ☐Cơ địa dị ứng ☐ Tiếp xúc hóa chất nghề nghiệp ☐

Gia đình:

2. Triệu chứng lâm sàng:

Chiều cao: cm Cân nặng: kg

Mạch: lần/phút Huyết áp: mmHg

Ho kéo dài, ho có đờm ☐ Sốt ☐Khó thở ☐ Đau ngực ☐Khò khè ☐ Gầy sút cân ☐**3. Xét nghiệm cận lâm sàng:****3.1. Kết quả đo chức năng hô hấp:**Bình thường ☐Rối loạn thông khí hạn chế ☐Rối loạn thông khí tắc nghẽn ☐**III. Kết luận:**

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm 202

Bác sĩ khám

Mẫu số 03. Phiếu thu thập thông tin hen phế quản (Áp dụng đối với trẻ em ≥ 12 tuổi)

Họ và tên:..... Tuổi..... Giới: Nam, Nữ

Địa chỉ:.....

Số điện thoại liên lạc:

**Các dấu hiệu gợi ý Hen phế quản
(Đánh dấu chọn các biểu hiện mà bạn có)**

1)	Khó thở, khò khè, thở rít, đặc biệt thì thở ra	☐
2)	Tiền sử có cơn khó thở kiểu hen: ho khạc đờm, khó thở, cò cử, nặng ngực, nghe phổi có ran rít ran ngáy	☐
3)	Tiền sử mắc các bệnh dị ứng: viêm mũi dị ứng, viêm kết mạc dị ứng, dị ứng thuốc, thức ăn	☐
4)	Tiền sử mắc hen và các bệnh dị ứng của các thành viên trong gia đình	☐
5)	Cách xuất hiện cơn khó thở: về đêm, theo mùa, sau một số kích thích (cảm cúm, gắng sức, thay đổi thời tiết, khói bụi)	☐
6)	Có giảm triệu chứng khi thử dùng một trong các điều trị sau	☐
	<i>Dùng thuốc salbutamol dạng xịt (ventolin, asthalin), viên salbutamol uống hoặc khi dung (ventolin)</i>	☐
	<i>Dùng viên prednisolon uống</i>	☐

Lưu ý: Khám và phát hiện bệnh hen phế quản khi có bất cứ một trong các dấu hiệu nào nêu trên**NGƯỜI ĐÁNH GIÁ
(Ký, ghi rõ họ tên)**

Mẫu số 04. Phiếu thu thập thông tin bệnh phổi tắc nghẽn và hen phế quản (Áp dụng đối với người dân ≥ 40 tuổi)

Họ và tên:..... Tuổi:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại: DD:.....

Tiền sử bệnh Hô hấp:..... NR:.....

I. Các dấu hiệu gợi ý có Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính:

Đánh dấu chọn các biểu hiện mà bạn có

1)	Tuổi ≥ 40	☐
2)	Hút thuốc lá, thuốc lào	☐
3)	Tiếp xúc trực tiếp khói bếp (người trực tiếp đun bếp)	☐
4)	Tiếp xúc với bụi và hoá chất nghề nghiệp (hơi, chất kích thích, khói)	☐
5)	KHÓ THỞ: nặng dần theo thời gian, tăng khi gắng sức, dai dẳng, cảm giác như thiếu không khí, phải gắng sức để thở, nặng ngực.	☐
6)	HO KÉO DÀI: ngắt quãng, ho liên tục trong nhiều tuần, nhiều tháng, nhiều năm	☐
7)	KHẮC ĐỜM mạn tính, thường khạc đờm vào buổi sáng	☐

* **Lưu ý:** Những đối tượng ≥ 40 tuổi có biểu hiện của một hoặc nhiều dấu hiệu trên cần được Khám và phát hiện bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính.

II. Các dấu hiệu gợi ý Hen phế quản:

8)	Khó thở, khò khè, thở rít, đặc biệt thì thở ra	☐
9)	Tiền sử có cơn khó thở kiểu hen: ho khạc đờm, khó thở, cò cữ, nặng ngực, nghe phổi có ran rít ran ngáy	☐
10)	Tiền sử mắc các bệnh dị ứng: viêm mũi dị ứng, viêm kết mạc dị ứng, dị ứng thuốc, thức ăn	☐
11)	Tiền sử mắc hen và các bệnh dị ứng của các thành viên trong gia đình	☐
12)	Cách xuất hiện cơn khó thở: về đêm, theo mùa, sau một số kích thích (cảm cúm, gắng sức, thay đổi thời tiết, khói bụi)	☐
13)	Có giảm triệu chứng khi thử dùng một trong các điều trị sau	☐
	Dùng thuốc salbutamol dạng xịt (ventolin, asthalin), viên salbutamol uống hoặc khi dung (ventolin)	☐
	Dùng viên prednisolon uống	☐

* **Lưu ý:** Khám và phát hiện bệnh hen phế quản khi có bất cứ một trong các dấu hiệu nào nêu trên

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 05. Thang đánh giá trầm cảm Beck

Họ và tên:.....
 Tuổi:..... Giới:
 Địa chỉ:..... Ngày phỏng vấn:.....
 Người phỏng vấn:
 Họ tên: Chức danh:
 Ký tên:

Bạn hãy khoanh tròn con số phù hợp với đề nghị mà bạn đã lựa chọn. Nếu trong một mục lớn có nhiều mục nhỏ có vẻ đúng với bạn, bạn cũng khoanh tròn các số phù hợp với tình trạng của bạn hiện nay. Xin đừng bỏ sót đề mục nào.

1	Tôi không cảm thấy buồn.	0
	Tôi cảm thấy buồn.	1
	Tôi luôn thấy buồn và tôi không thể dứt ra được	2
	Tôi rất buồn hoặc bất hạnh đến mức không thể chịu được.	3
2	Tôi không thấy nản lòng về tương lai.	0
	Tôi cảm thấy nản lòng về tương lai.	1
	Tôi cảm thấy rằng tôi không có gì để mong đợi ở tương lai.	2
	Tôi cảm thấy tương lai tuyệt vọng và tình hình không thể cải thiện được.	3
3	Tôi không cảm thấy như bị thất bại.	0
	Tôi cảm thấy tôi thất bại hơn những người khác.	1
	Nhìn lại cuộc đời, tất cả những gì tôi có thể thấy chỉ toàn là thất bại.	2
	Tôi cảm thấy tôi là một người hoàn toàn thất bại.	3
4	Tôi thấy hài lòng với những điều trước đây tôi vẫn hài lòng.	0
	Tôi không còn thích những thứ mà trước đây tôi vẫn thường ưa thích.	1
	Tôi không còn hài lòng thật sự về bất kỳ cái gì nữa.	2
	Tôi không hài lòng và chán nản mọi thứ.	3
5	Tôi hoàn toàn không cảm thấy có tội lỗi gì ghê gớm.	0
	Phần lớn thời gian, tôi cảm thấy mình có tội.	1
	Hầu hết thời gian, tôi cảm thấy mình có tội thật sự.	2
	Lúc nào tôi cũng cảm thấy mình có tội.	3
6	Tôi không cảm thấy thất vọng với bản thân.	0
	Tôi thất vọng với bản thân.	1
	Tôi chán ghét bản thân.	2
	Tôi căm ghét bản thân.	3
7	Tôi không có ý nghĩ tự sát.	0
	Tôi có những ý nghĩ tự sát nhưng không thực hiện.	1
	Tôi muốn tự sát.	2
	Nếu có cơ hội tôi sẽ tự sát.	3
8	Tôi không mất sự quan tâm đến người khác.	0
	Hiện nay tôi ít quan tâm đến người khác hơn trước.	1
	Tôi mất hầu hết sự quan tâm đến người khác.	2
	Tôi đã mất hết sự quan tâm đến người khác.	3
9	Tôi quyết định cũng tốt như trước.	0
	Hiện nay tôi hay trì hoãn quyết định hơn trước.	1
	Tôi quyết định khó khăn hơn trước rất nhiều.	2
	Tôi không thể quyết định được bất cứ điều gì.	3
10	Tôi không cảm thấy mình xấu hơn trước.	0
	Tôi lo lắng là tôi trông có vẻ già hoặc không hấp dẫn.	1

	Tôi cảm thấy thường xuyên có những thay đổi bề ngoài làm cho tôi có vẻ không hấp dẫn. Tôi tin rằng tôi xấu xí.	2 3
11	Tôi có thể làm việc tốt hơn trước. Tôi phải cố gắng hơn để có thể bắt tay làm việc gì. Làm bất cứ việc gì tôi cũng phải cố gắng rất nhiều. Tôi hoàn toàn không thể làm bất cứ việc gì được nữa.	0 1 2 3
12	Tôi không thấy mệt hơn trước một chút nào. Tôi dễ mệt hơn trước. Hầu như làm cái gì tôi cũng mệt. Tôi cảm thấy quá mệt khi làm bất cứ điều gì.	0 1 2 3
13	Sự ngon miệng của tôi không kém hơn trước. Sự ngon miệng của tôi không tốt như trước. Hiện nay sự ngon miệng của tôi kém rất nhiều. Tôi không cảm thấy ngon miệng một chút nào nữa.	0 1 2 3
Tổng cộng		

Mẫu số 06. Thang đánh giá lo âu - Zung

Họ và tên:.....
 Tuổi..... Giới:
 Địa chỉ:..... Ngày phỏng vấn.....
 Người phỏng vấn:
 Họ tên: Chức danh:
 Ký tên:

	Không có hoặc ít thời gian	Đôi khi	Phần lớn thời gian	Hầu hết hoặc tất cả thời gian
	1(điểm)	2(điểm)	3(điểm)	4(điểm)
1.Tôi cảm thấy nóng nảy và lo âu hơn thường lệ.				
2.Tôi cảm thấy sợ mà không có nguyên nhân nào.				
3.Tôi dễ bối rối và cảm thấy hoảng sợ				
4.Tôi cảm thấy như ngã và vỡ ra từng mảnh.				
5.Tôi cảm thấy mọi thứ đều tốt và không có gì xấu sẽ xảy ra.				
6.Tay và chân tôi lắc lư và run lên.				
7.Tôi đang khó chịu vì đau đầu, đau cổ và đau lưng.				
8.Tôi cảm thấy yếu và dễ mệt mỏi.				
9.Tôi cảm thấy bình tĩnh và ngồi yên một cách dễ dàng.				
10.Tôi cảm thấy tim tôi đập nhanh.				
11.Tôi đang khó chịu và cơn hoa mắt chóng mặt.				
12.Tôi có cơn ngất và cảm thấy gần như thế.				
13.Tôi có thể thở ra thở vào một cách dễ dàng.				
14.Tôi có cảm giác tê cứng và có cảm giác như kiến bò ở các đầu ngón tay và chân.				
15.Tôi đang khó chịu, đau dạ dày và đầy bụng.				
16.Tôi cần phải đi đại tiện luôn.				
17.Bàn tay tôi thường khô và ấm.				
18.Mặt tôi thường nóng và đỏ.				
19.Tôi ngủ dễ dàng và có một giấc ngủ tốt.				
20.Tôi thường có ác mộng.				
Cộng:				

Mẫu số 07. Thang đánh giá mức độ sử dụng rượu (AUDIT)

Họ và tên:.....
 Tuổi.....Giới:
 Địa chỉ:..... Ngày phỏng vấn.....
 Người phỏng vấn:
 Họ tên: Chức danh:
 Ký tên:

1. Trong 12 tháng qua, có bao giờ Anh/chị uống rượu, bia không? Nếu có bao lâu một lần? (0) Không bao giờ (chuyển đến câu 9 và câu 10) (1) ≤ 1 lần/tháng (2) 2 - 4 lần/tháng (3) 2 - 3 lần/tuần (4) ≥ 4 lần/tuần	6. Trong 12 tháng qua, có bao giờ sau một lần uống nhiều thì sáng hôm sau khi thức dậy Anh/chị phải uống ngay một cốc rượu, bia trước khi làm những việc khác? Nếu có bao lâu một lần? (0) Không bao giờ (1) Ít hơn hằng tháng (2) Hằng tháng (3) Hằng tuần (4) Hằng ngày hoặc gần như hằng ngày
2. Trong một ngày có uống rượu, bia, Anh/chị thường uống bao nhiêu? (ĐTV hỏi đối tượng thường uống những loại gì, bao nhiêu và quy đổi ra tổng đơn vị cồn trong một ngày) (0) 1 - 2 đơn vị cồn (1) 3 - 4 đơn vị cồn (2) 5 - 6 đơn vị cồn (3) 7 - 9 đơn vị cồn (4) ≥ 10 đơn vị cồn	7. Trong 12 tháng qua, có bao giờ Anh/chị cảm thấy có lỗi hoặc hối hận sau khi uống rượu, bia không? Nếu có bao lâu một lần? (0) Không bao giờ (1) Ít hơn hằng tháng (2) Hằng tháng (3) Hằng tuần (4) Hằng ngày hoặc gần như hằng ngày
3. Có bao giờ trong một lần uống, Anh/chị đã uống hết 5 chai hay 5 lon bia hoặc đã uống hết 6 cốc nhỏ rượu mạnh hoặc 6 ly rượu vang trở lên? Nếu có bao lâu một lần? (sử dụng Hình minh họa đơn vị cồn để giải thích) (0) Không bao giờ (1) Ít hơn hằng tháng (2) Hằng tháng (3) Hằng tuần (4) Hằng ngày hoặc gần như hằng ngày (Chuyển tới câu 9 và 10 nếu tổng điểm của câu 2 và 3 là = 0)	8. Trong 12 tháng qua, có bao giờ Anh/chị sau khi uống rượu, bia sáng hôm sau tỉnh dậy không thể nhớ được những gì đã xảy ra đêm hôm trước không? Nếu có bao lâu một lần? (0) Không bao giờ (1) Ít hơn hằng tháng (2) Hằng tháng (3) Hằng tuần (4) Hằng ngày hoặc gần như hằng ngày
4. Trong 12 tháng qua, có bao giờ khi đang uống rượu, bia, Anh/chị nhận thấy không thể tự dừng uống được? Nếu có bao lâu một lần? (0) Không bao giờ (1) Ít hơn hằng tháng (2) Hằng tháng (3) Hằng tuần (4) Hằng ngày hoặc gần như hằng ngày	9. Từ trước đến nay, có bao giờ do Anh/chị uống rượu, bia đã làm cho mình hay người khác bị thương không? (0) Chưa bao giờ (2) Có nhưng không phải trong 12 tháng vừa qua (4) Có trong 12 tháng vừa qua

5. Trong 12 tháng qua, có bao giờ do uống rượu, bia mà Anh/chị không làm được những công việc bình thường vẫn làm không? Nếu có bao lâu một lần? (0) Không bao giờ (1) Ít hơn hằng tháng (2) Hằng tháng (3) Hằng tuần (4) Hằng ngày hoặc gần như hằng ngày	10. Từ trước đến nay, đã có ai thấy lo ngại và đề nghị hay khuyên Anh/chị giảm uống rượu, bia không? (0) Chưa bao giờ (2) Có nhưng không phải trong 12 tháng vừa qua (4) Có trong 12 tháng vừa qua
Tổng số điểm:	

* **Lưu ý:** một đơn vị cồn tương đương với:

- 3/4 chai hoặc 3/4 lon bia 330 ml (5%);
- Một cốc bia hơi 330 ml (4%);
- Một ly rượu vang 100 ml (13,5%);
- Hoặc một ly nhỏ/cốc nhỏ rượu mạnh 40 ml (30%)